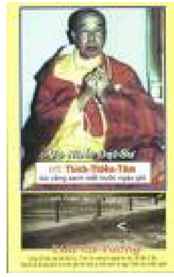
QUÊ HƯƠNG CỰC LẠC



Việt Dịch: HT Thiền Tâm
Phật Học Viện Quốc Tế Xuất Bản

---o0o---

Nguồn
http://www.niemphat.net
Chuyển sang ebook 19-6-2009
Người thực hiện : Nam Thiên – namthien@gmail.com
Link Audio Tại Website http://www.phatphaponline.org

Mục Lục

Tử Bá Đại Sư
Liên Trì Đại Sư
Hám Sơn Đại Sư
Ngẫu Ích Đại Sư
Triệt Lưu Đại Sư
Đạo Phái Đại Sư
Tỉnh Am Đại Sư
Triệt Ngộ Đại Sư
Ngộ Khai Đại Sư
Diệu Không Đại Sư
Ấn Quang Đại Sư

---o0o---

Lời Nói Đầu

Đương thời giảm kiếp, trình độ đạo đức của nhân loại mỗi ngày một kém, trái lại tội ác mỗi ngày một thêm. Do sức nghiệp của đa số người chiêu cảm, nên khắp thế giới nổi lên những hiện tượng: động đất, bão, lụt, núi lửa, nắng hạn, thời tiết bất thường. So với mấy mươi năm về trước, những chuyện chém giết trộm cướp, dâm loàn, lường gạt giữa ngày nay, đã khiến cho người có lòng với thế đạo nhân tâm phải bàng hoàng lo sợ! Kinh Phật nói: "Tất cả sự khổ vui đều do tâm tạo". Vậy muốn cải thiện con người, tạo hoàn cảnh tốt, phải tìm sửa đổi từ chỗ phát nguyên. Ở đây, tôi muốn nói là mọi người phải dứt trừ tâm niệm xấu ác, ví như muốn được dòng nước trong, đừng để cho nguồn vẩn đục.

Trong khi xem bộ Tư Quy Tập, tôi thấy nó có lợi ích cho sự hướng thiện, đường giải thoát của người đời, nên ngoài giờ niệm Phật, lần lượt phiên dịch thành ra quyển Hương Quê Cực Lạc này. Trong đây tuy sự khuyến hóa không ngoài làm lành, niệm Phật, song đó lại chính là phương tiện khéo đưa mọi người đi sâu vào thật hạnh, âm thầm hoán cải từ người đến cảnh một cách mầu nhiệm. Vì đối với người thâm hiểu Phật pháp, thì toàn sự là lý, sự trì tức là lý trì. Trái lại, nếu chỉ chuộng lý thuyết không quan tâm đến thật hành, đó chỉ là lý thuyết suông, không đem lại kết quả.

Thuở xưa, có một vị sư đi thuyết pháp nơi nào cũng chỉ nói về quy y Tam Bảo. Có người hỏi sao không giảng pháp chi khác. Sư đáp: "Thử nghĩ có pháp nào ngoài phạm vi Tam Bảo không?". Ở nước ta, sự tu hành phổ thông của hàng Phật tử xuất gia và tại gia tóm lại cũng không ngoài: giữ quy giới, biết nhân quả, làm lành, niệm Phật. Cho đến nhiều bậc học Phật uyên thâm,

kết cuộc cũng đi về điểm ấy. Vậy một câu Niệm Phật, nếu chuyên, thiết tưởng không phải là thiếu. Xem quyển này, chư vị sẽ được lãnh thọ lời vàng của Phật Tổ, chỗ kinh nghiệm về tu trì của các bậc thiện tri thức, không khác nào có thầy hay bạn tốt. Nếu thật hành y theo lời dạy trong đây, sẽ được ba điều lợi ích lớn:

1. Nhờ sức Phật hộ trì, sức công đức của câu Niệm Phật, sức tâm niệm lành của mình, riêng hành nhơn sẽ được tiêu tội chướng, thêm phước huệ, giảm trừ những nguy hiểm tai nạn trong thời mạt kiếp.

2. Cũng do ba năng lực trên, cảnh huống khổ đau chung của nhân loại có thể giảm bớt, nếu nhiều người biết ăn chay niệm Phật. Cho nên tuy tu Tây phương Tịnh Độ, mà thật ra đồng thời đã tu nhơn gian Tịnh Độ ở ngay cõi đời này.

3. Chuyên niệm Phật, hành nhơn sẽ được sanh về Cực Lạc, thoát hẳn ra nỗi khổ luân hồi, hưởng sự an vui vô cùng vô tận, lần lượt sẽ chứng đạo quả, độ chúng sanh. Vậy đây là phương pháp lợi mình lợi người một cách viên mãn chắc chắn.

Quyển này, theo bản Hán Văn, đã được tăng bổ, in ra nhiều lần. Cho nên phần tựa do ngài Ấn Quang làm năm Dân Quốc thứ 28 (1938), mà đoạn sau lại có thêm lời dạy, tiểu sử của Ngài (tịch năm 1940) và Hoằng Nhất Đại Sư (tịch năm 1942). Vậy xin độc giả thể hội, đừng lấy làm nghi.

Dịch ra quyển này, tôi cảm vì cõi đời khổ nặng, chánh giáo suy vi, nghĩ mình tội chướng chi mà sanh nhằm mạt thế, duyên phước gì mà nghe được pháp âm, nên không nỡ thọ phần lợi ích riêng, tùy sức tùy phần tuyên dương đạo giải thoát ra để tỏ lòng báo đáp bốn ân, lợi vui đồng loại trong muôn một thế thôi.

"Đã từng trôi nổi riêng thương khách

Muốn nhủ đồng nhơn lại cố hương!"

Xin mượn hai câu thơ trên để bày tỏ tâm sự tôi vậy

Mùa an cư năm Căn Tý (1960)

Dịch giả: Liên Du kính ghi

---o0o---

Tựa

Pháp môn Tịnh Độ cao cả không cùng, rộng lớn như trời che đất chở. Đây là pháp môn tổng trì của chư Phật ba đời, là đạo mầu đặc biệt trong một đời giáo hóa của đức Thích Ca. Trên như bậc Đẳng Giác Bồ Tát, không thể vượt ra ngoài phạm vi của môn này: Dưới dù kẻ phạm tội nghịch ác cũng được dự phần tế độ.

Tuy nhiên, bởi pháp môn cao siêu như thế mà phần nhiếp cơ lại quá phổ cập, dùng sức ít mà thu thập kết quả rất mau lẹ lớn lao, nên những vị thông hiểu đôi chút về Tông, Giáo đều xem thường, cho là môn tu trì của kẻ ngu phu, ngu phụ. Truy nguyên, cũng do các vị ấy chưa hiểu rõ các chỗ lớn - nhỏ, khó - dễ của Phật lực và tự lực. Hai phương diện này, sự hơn kém thật không thể dùng lời nói, văn từ hình dung cho hết được. Vì sao?

Bởi tất cả pháp môn khác đều nương theo sức Giới, Định, Huệ, tu cho đến nghiệp sạch tình không, mới có thể thoát luân hồi sanh tử. Nhưng địa vị nghiệp sạch tình không đâu phải là dễ được? Trong hai phần hoặc nghiệp, dứt được kiến hoặc khó cũng như ngăn chận dòng nước đổ bốn mươi dặm, huống nữa là tư hoặc ư? Dù cho bậc tỏ ngộ cao siêu, nếu chưa dứt sạch phiền não, vẫn còn bị luân hồi. Và một khi đã thọ sanh thì kẻ thối thất trong một muôn có đến mười ngàn, kẻ tiến bộ trong ức người khó được ba bốn. Thế thì tự lực không đủ ỷ lại, không chi vững vàng. Những kẻ khoe mình là trí, không chịu thuận theo lòng từ thệ nhiếp thọ của Như Lai, thử nghĩ có nên tự phụ chăng?

Riêng về môn Tịnh Độ, nếu người có đủ tín nguyện chơn thiết, dùng lòng chí thành niệm Phật như con thơ nhớ mẹ và hằng ngày sự hành vi không trái với đạo đức, thì đến khi lâm chung, sẽ được nhờ Phật tiếp dẫn sanh về Tây Phương. Dù người ấy nghiệp hoặc hãy còn, nhưng khi đã vãng sanh thì chỗ sở đắc cũng cao hơn bậc A La Hán tình không nghiệp sạch, vì lẽ chủng tánh không đồng. Kẻ chưa dứt nghiệp hoặc còn như thế, người đã hết nghiệp không đợi phải luận nhiều! Ấy bởi do Phật lực, pháp lực và tâm lực của chúng sanh, đều không thể nghĩ bàn: mà tâm lực lại nhờ năng lực của Phật và Pháp, được hiển hiện một cách vẹn toàn. Cho nên chỉ ỷ lại vào tự lực, sánh với nương nhờ Phật Lực, thật kém xa nhau hằng hà sa số sự cách biệt của đất trời! Lại nên biết, đạo lý của môn Tịnh Độ này không thể đem luận chung với các pháp môn phổ thông khác, vì đây là pháp môn đặc biệt! Tôi thường có đôi liễn:

Pháp môn cao cả, lợi khắp ba căn, nhân đây chín cõi đồng về, mười phương khen ngợi.

Phật nguyện rộng sâu, không từ một vật, nên được ngàn kinh đều chỉ, muôn luận tuyên bày.

Trong kinh Hoa Nghiêm về phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện, tất cả bậc Pháp Thân Đại Sĩ ở 41 vị (Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, Thập Địa, Đẳng Giác) nơi Hoa Tạng thế giới hải, đều y theo lời khuyên của đức Phổ Hiền Bồ Tát, dùng công đức mười đại nguyện vương cầu sanh Tây Phương, để được viên mãn quả Phật. Các bậc đại sĩ mà còn như thế, kẻ phàm phu đầy nghiệp lực, tự ỷ chút tài chí mọn, xem thường môn Tịnh Độ, thử xét mình có hơn các bậc Bồ Tát kia chăng? Hay là bởi mê loạn cầu cao, để rồi muốn siêu trở thành đọa lạc, muốn khéo hóa ra vụng về?

Những kinh sách hoằng dương Tịnh Độ xưa nay rất nhiều. Trong ấy, Đại Sư Như Sầm tuyển ra những lời hay ý đẹp của Phật, Bồ Tát, Tổ Sư và ngôn luận của các bậc chí thức cận đại, chép thành quyển Hương Quê Cực Lạc (nhan đề dịch thoát của hai chữ Tư Quy) này. Đại Sư nhờ tôi làm lời tựa, tôi tự xét lúc trẻ tuổi không gắng sức, đến nay già kém, tài năng chỉ đem nghĩa lý mình đã tin hiểu trong 59 năm viết ra để lấp cho rồi trách nhiệm. Nhân tiện, dâng tỏ chút ngu thành, nguyện khắp đồng nhơn đều được sanh về Cực Lạc. Chỗ thật tâm của thôi là thế, ngoài ra những bậc tài chí có bình luận chê cười, tôi chưa từng nghĩ đến. Theo đây, xin có mấy lời ca rằng:

"Khắp khuyên đồng phát nguyện lành, nguyện cầu vãng sanh. Đất khách suối non hiểm nhiều, mặc ai luyến tình! Tự mình không muốn về thôi, quyết về tất được. Đường quê có ai tranh giành, gió mát trăng thanh!"

Những khách nhớ quê, xin cùng chú ý!

Đời Dân Quốc thứ 28, năm Kỷ Mão, tiết Đông Chí.

Thích Ấn Quang cẩn soạn

---o0o---

Thích Ca Mâu Ni Phật

(Thích Ca Mâu Ni là tiếng Phạn, dịch: Năng Nhân-Tịch-Mặc, Thích Ca là họ, Mâu Ni là tên; Phật có nghĩa là: đấng giác ngộ, Đức Bổn Sư khi xưa là

Thái Tử Tất Đạt Đa, ở xứ Trung Ấn Độ, nước Ca Tỳ La Vệ, cha là Vua Tịnh Phạn, mẹ là Ma Da Hoàng Hậu, Thái Tử xuất gia lúc 19 tuổi, đến 30 tuổi thành đạo, thuyết pháp 50 năm trụ đời 80 tuổi. Đức Phật ra đời độ vô lượng chúng sanh, hiện nay đạo pháp của Ngài được khắp giới Á, Âu tôn trọng).

Kinh Phật Thuyết A Di Đà nói: "Từ đây thẳng về phương Tây, trải qua mười muôn ức cõi Phật, có thế giới tên là Cực Lạc. Cõi ấy có đức Phật hiệu là A Di Đà, hiện nay đương thuyết pháp. - Tại sao cõi kia gọi là Cực Lạc? Vì chúng sanh ở cõi ấy không có các sự khổ, chỉ hưởng những điều vui, nên gọi là Cực Lạc. -- Đức Phật ấy vì sao hiệu là A Di Đà? Bởi ánh sáng của đức Phật này không lường, soi khắp mười phương quốc độ, không chỗ nào chướng ngại, nên hiệu là A Di Đà. Lại nữa, đức Phật kia cùng với nhân dân của ngài sống lâu đến không lường, không ngằn A Tăng Kỳ kiếp, nên gọi là A Di Đà. --Chúng sanh, sanh về cõi Cực Lạc, đều là bậc A Bệ Bạt Trí, trong ấy hàng Nhứt Sanh Bổ Xứ rất nhiều, không thể dùng toán số tính biết được, chỉ có thể dùng số vô lượng vô biên a tăng kỳ để nói mà thôi. --Chúng sanh nào nghe kinh này, nên phát nguyện sanh về nước kia.--Tại sao thế? Vì được cùng các bậc người thượng thiện ở chung một chỗ. --Nếu có người thiện nam thiện nữ nào nghe nói đến Phật A Di Đà, giữ niệm danh hiệu, hoặc một ngày, hai ngày, ba ngày cho đến bảy ngày, một lòng không loạn, khi người ấy mạng chung, Phật A Di Đà cùng các Thánh Chúng hiện ở trước. Bấy giờ kẻ ấy lòng không điên đảo, liền được sanh về cõi Cực Lạc. --Chúng sanh các ngươi! Nên tin kinh "Xưng Tán Bất Khả Tư Nghì Công Đức, Nhất Thiết Chư Phật Sở Hộ Niệm" này.

* Kinh Đại Tập nói: “Hành giả ngồi ngay thẳng, chuyên tâm tưởng đức Phật A Di Đà, tướng đẹp như thế, oai nghi như thế, đại chúng như thế, thuyết pháp như thế, tưởng niệm như vậy, tâm tâm nối nhau, thứ lớp không loạn, sẽ thấy được Đức Phật kia. Ví như trong đời có người nam hay nữ đi xa ở xứ khác, trong giấc mơ thấy nhà cửa của mình. Lúc bấy giờ, thật ra người ấy chẳng biết là đêm hay ngày, là ngoài hay trong, tường vách núi đá không thể che ngăn, cho đến sự tối tăm mù mịt không làm chướng ngại. Hành giả mỗi niệm cứ huân tu như thế, lâu ngày sự quán tưởng sẽ sáng suốt lanh lẹ, kết quả thấy được đức Phật Di Đà”.

* Kinh Thập Lục Quán nói: --Muốn sanh về Cực Lạc, phải tu ba thứ phước: 1) Hiếu dưỡng cha mẹ, phụng thờ sư trưởng, tâm từ bi không giết hại, tu mười nghiệp lành. 2) Thọ trì Tam Quy, giữ trọn các giới, đừng phạm oai nghi. 3) Phát lòng Bồ Đề, tin sâu lý nhân quả, đọc tụng kinh Đại thừa, khuyến tấn người tu hành. Ba điều trên đây gọi là tịnh nghiệp.

* Kinh Bảo Tích nói: -- Bấy giờ Di Lặc Bồ Tát bạch Phật rằng: "Bạch đức Thế Tôn! Như Thế Tôn đã nói những công đức lợi ích của Phật A Di Đà và thế giới Cực Lạc. Lại bảo: Nếu có chúng sanh nào phát mười thứ tâm, một lòng chuyên niệm hướng về Phật A Di Đà, khi người ấy mạng chung sẽ được sanh về thế giới của đức Phật kia. Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là phát mười thứ tâm, và do tâm này sanh về Cực Lạc?" --Phật bảo: "Này Di Lặc! Mười thứ tâm ấy không phải hạng người phàm phu, bất thiện có thể phát được. Những gì là mười tâm:

Đối với chúng sanh khởi lòng đại từ không làm tổn hại.

Đối với chúng sanh khởi lòng đại bi không làm bức não.

Với chánh pháp của Phật khởi lòng hộ trì không tiếc thân mạng.

Với tất cả pháp lành sanh lòng thắng nhẫn, không chấp trước.

Tâm an vui trong sạch, tôn trọng, không tham lợi dưỡng, sự cung kính.

Tâm cầu chứng trí của Phật, trong tất cả thời không xao lãng.

Đối với tất cả chúng sanh hằng tôn trọng cung kính, không khinh rẻ là hèn thấp.

Không say đắm theo thế luận, đối với phần Bồ Đề sanh lòng quyết định.

Tâm thanh tịnh tu các căn lành, không hề tạp nhiễm.

Đối với các đức Như Lai, xả lìa các tướng, lòng tùy niệm.

Di Lặc! Đó là mười thứ phát tâm của Bồ Tát, do tâm nào sẽ được sanh về cõi Cực Lạc của Phật A Di Đà. Di Lặc! Nếu có người nào trong mười tâm này, tùy ý thành tựu được một tâm, ưa thích muốn về Cực Lạc, quyết không lẽ nào không được vãng sanh.

Đạo Sư A Di Đà Phật

(A Di Đà là tiếng Phạn, dịch: Vô Lượng Thọ hoặc Vô Lượng Quang. Ngài là vị giáo chủ ở thế giới Cực Lạc về phương Tây. Theo Kinh Cổ Âm Vương thì đời quá khứ có nước Diệu Hỷ, vị quốc vương là Kiều Thi Ca. Bấy giờ có Phật Tự Tại Vương ra đời. Kiều Thi Ca xuất gia đầu Phật, hiệu là Pháp

Tạng. Lại Kinh Vô Lượng Thọ nói: "Pháp Tạng Tỳ Khưu ở nơi Phật Thế Tự Tại Vương phát lòng Bồ Đề, lại phát 48 lời nguyện, mỗi nguyện đều nói: "Nếu không được như thế, tôi thề không thành Phật".

Những đại nguyện ấy đã thành tựu, và ngài Pháp Tạng đã thành Phật tức là Đức A Di Đà ở nơi thế giới Cực Lạc hiện nay).

*Theo kinh Vô Lương Thọ, 48 đại nguyện của Đức A Di Đà, có mấy điều thiết yếu sau đây:

Nguyện thứ 18 - Khi tôi thành Phật, chúng sanh trong mười phương hết lòng tin ưa muốn sanh về nước tôi, xưng danh hiệu tôi cho đến mười niệm, nếu không được vãng sanh, tôi thề không thành Chánh Giác.

Nguyện thứ 19 - Khi tôi thành Phật, chúng sanh trong mười phương phát lòng Bồ Đề, tu các công đức, chí tâm phát nguyện cầu sanh về nước tôi, đến lúc lâm chung, nếu tôi không cùng thánh chúng hiện ở trước người ấy tiếp dẫn, tôi thề không thành Chánh Giác.

Nguyện thứ 21 - Khi tôi thành Phật, hàng nhân thiên trong nước tôi thảy đều đủ 32 tướng đại nhân, nếu chẳng được như thế, tôi thề không thành Chánh Giác.

Nguyện thứ 27 - Khi tôi thành Phật, từ hàng Nhân Thiên cho đến tất cả muôn vật trong nước tôi, hình sắc đều tốt đẹp, nghiêm sạch sáng rỡ, vi diệu cùng cực, không thể tính kể. Nếu những chúng sanh chứng được thiên nhãn mà có thể biện thuyết rõ ràng được sanh số, tôi thề không thành Chánh Giác.

Nguyện thứ 32 - Khi tôi thành Phật, từ cõi đất lên đến hư không, những cung điện lầu quán, ao nước cây hoa, tất cả vạn vật đều do vô lượng tạp bảo, trăm ngàn thứ hương hoa hiệp tạo thành, nghiêm đẹp kỳ diệu, hơn các thiên cung. Mùi hương trong nước tôi lan tỏa khắp mười phương thế giới, các Bồ Tát tiếp xúc được hương ấy, đều tu Phật hạnh. Nếu chẳng được như thế, tôi thề không thành Chánh Giác.

Nguyện thứ 39 - Khi tôi thành Phật, hàng nhơn thiên trong nước tôi đều hưởng sự an vui như bậc lậu tận tỳ khưu. Nếu chẳng được như thế, tôi thề không thành Chánh Giác.

---o0o---

Quán Thế Âm Bồ Tát

Trong Kinh Bi Hoa, về kiếp quá khứ, thuở đời Phật Bảo Tạng, khi đức A Di Đà còn làm Luân Vương, thì Bồ Tát làm vị Thái Tử thứ nhất của Ngài, hiệu là Bất Thuấn. Lúc Thái Tử đối trước đức Bảo Tạng phát đại nguyện rồi, Phật liền ban cho danh hiệu là Quán Thế Âm. Hiện tại, Bồ Tát ở cõi Cực Lạc phụ giúp Phật A Di Đà mà hoằng hóa và tiếp dẫn chúng sanh. Về sau, Bồ Tát kế vị đức A Di Đà mà thành Phật, hiệu là Biến Xuất Nhất Thiết Công Đức Sơn Vương Như Lai; thế giới Cực Lạc đổi tên lại là Nhất Thiết Trân Bảo Sở Thành Tựu.

Về phần nhân hạnh quả đức cùng sự ứng hóa của Bồ Tát, trong kinh Pháp Hoa, Lăng Nghiêm, và Đại Bi có nói đến)

* Kinh Đại Bi Đà La Ni nói: "Nếu chuyên xưng danh hiệu và cúng dường đức Bổn Sư ta là Phật A Di Đà, thì sẽ được vô lượng phước, tiêu trừ vô lượng tội, khi mạng chung lại được vãng sanh về cõi Cực Lạc. Bấy giờ đức Như Lai đưa tay tiếp dẫn và xoa đầu kẻ ấy mà bảo rằng: "Người đừng sợ hãi, vì đã được sanh về nước ta".

* Kinh Quán Thế Âm Bồ Tát Thọ Ký nói: "Kẻ nào phát lòng vô thượng Bồ Đề, nguyện sanh về Cực Lạc, đều được thấy cõi ấy, lại thấy Phật A Di Đà cùng các hàng Bồ Tát và Thanh Văn. Người đó thấy như thế rồi, vui mừng khấp khởi, xướng lên rằng: "Nam Mô A Di Đà Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri!" Bấy giờ trong pháp hội có 84.000 chúng sanh đều phát lòng Bồ Đề, nguyện trồng căn lành để được vãng sanh về Cực Lạc.

---o0o---

Đại Thế Chí Bồ Tát

Trong Kinh Bi Hoa, về kiếp quá khứ, thuở đời đức Phật Bảo Tạng, khi đức A Di Đà còn làm Luân Vương, thì Bồ Tát làm vị Thái Tử thứ hai của Ngài, hiệu là Ma Ni. Lúc Thái Tử Ma Ni đối trước với đức Phật Bảo Tạng phát thệ nguyện rồi, Phật liền ban cho danh hiệu là Đắc Đại Thế, và thọ ký cho sau thành Phật hiệu là Thiện Trụ Trân Bảo Sơn Vương. Hiện tại, Bồ Tát ở cõi Cực Lạc phụ giúp Phật A Di Đà hoằng hóa và tiếp dẫn chúng sanh. Về sau Bồ Tát thành Phật kế đức Quán Thế Âm, thế giới, thời kiếp và Phật sự cùng Phật Công Đức Sơn Vương đồng. Trong kinh Lăng Nghiêm, Bồ Tát nói pháp môn Niệm Phật thật rất là tinh khiết, người tu tịnh nghiệp nên tuân theo).

* Kinh Lăng Nghiêm nói: "Tôi nhớ hằng hà sa kiếp về trước, có mười hai đức Như Lai nối nhau ra đời trong một kiếp, vị đầu tiên là Vô Lượng Quang, vị Phật rốt sau hiệu là Siêu Nhựt Nguyệt Quang. Đức Phật sau này dạy tôi pháp môn Niệm Phật tam muội. Ví như có hai người, một kẻ chuyên nhớ, một kẻ chuyên quên, hai người ấy dù gặp nhau cũng như không gặp, thấy cũng như không thấy. Nếu hai người đều nhớ nhau, sức nhớ tưởng càng sâu, thì từ đời này đến đời khác, hai kẻ ấy đồng như hình với bóng, không xa rời nhau được. Các đức Như Lai trong mười phương mẫn niệm chúng sanh cũng như mẹ nhớ con, nếu con cứ lẩn tránh, dù mẹ có nhớ cũng không biết làm sao! Trái lại, nếu con nhớ mẹ, cũng như mẹ nhớ con, thì mẹ con đời đời chẳng cách xa nhau. Nếu tâm của chúng sanh hằng nhớ Phật, niệm Phật, thì đời này, đời sau, quyết định sẽ thấy Phật, cách Phật không xa, chẳng cần dùng phương tiện chi khác, tâm mình được khai ngộ. Như người nhuộm các thứ hương, thân kẻ ấy có mùi thơm đó là hương quang trang nghiêm. Chỗ bản nhân của tôi là dùng tâm niệm Phật được chứng vào Vô Sanh Nhẫn, nay ở cõi này nhiếp thọ người niệm Phật đem về Tịnh Độ. Nay Phật hỏi về viên thông, tôi không lựa chọn, nhiếp cả sáu căn, tịnh niệm nối luôn được tam ma địa, đây là bậc nhất.

---o0o---

Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát

(Văn Thù Sư Lợi có chỗ gọi là Mạn Thù Thất Ly, dịch là Diệu Đức hoặc Diệu Kiết Tường. Theo Kinh Bi Hoa, Bồ Tát khi xưa là thái tử Vương Chúng, con thứ ba của Luân Vương thời đức Phật Bảo Tạng. Khi Thái Tử phát hoằng thệ ở trước Phật rồi, liền được đổi tên là Văn Thù Sư Lợi, và được thọ ký về sau thành Phật hiệu Phổ Hiện, ở thế giới Thanh Tịnh Vô Cấu Bảo Chi về phương Nam. Lại kinh Văn Thù Bát Niết Bàn nói: "Văn Thù Bồ Tát thị hiện sanh ở nước Xá Vệ, làng Đa La, làm con của Phạm Đức Bà La Môn, Bồ Tát từ hông bên mặt của mẹ sanh ra, thân sắc tử kim, biết nói liền lúc ấy. Lớn lên theo Phật xuất gia").

* Kinh Hoa Nghiêm nói: "Bấy giờ, ánh sáng chiếu qua ngàn thế giới, tất cả đức Văn Thù ở các cõi đều đồng thời đối trước Phật nói kệ rằng: "Trong tất cả oai nghi. Thường nhớ công đức Phật. Ngày đêm không xen hở. Nghiệp như thế nên tu".

* Kinh Quán Phật Tam Muội Hải nói: "Sau khi Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát này bỏ túc nhân, tự nói đã chứng được Niệm Phật Tam Muội, tất sanh về Tịnh

Độ, đức Thế Tôn thọ ký rằng: "Ông sẽ được sanh về cõi Cực Lạc". Bồ Tát liền đọc kệ phát nguyện:

"Tôi nguyện lúc mạng chung. Trừ tất cả chướng ngại. Thấy Phật A Di Đà. Sanh về cõi Cực Lạc. Khi đã về nơi ấy. Thành tựu các đại nguyện. A Di Đà Thế Tôn. Thọ ký cho thành Phật".

* Trong Tịnh Độ Thánh Hiền Lục nói: "Đời Đường, Pháp Chiếu Đại Sư nhờ đức Văn Thù dùng thần lực nhiếp vào thánh cảnh ở non Ngũ Đài. Đại sư đảnh lễ Bồ Tát và thưa thỉnh về yếu môn tu hành. Đức Văn Thù bảo: "Nay ngươi nên niệm Phật, chính là lúc hợp thời, bởi các môn tu hành không chi hơn niệm Phật. Siêng năng cúng dường Tam Bảo, gồm tu phước huệ, hai điều này rất là cần yếu. Đời quá khứ ta nhân cúng dường, quán tưởng và niệm Phật mà được Nhứt Thiết Chủng Trí. Cho nên tất cả pháp, pháp Bát Nhã ba la mật, môn thiền định rất sâu, cho đến chư Phật, đều từ nơi niệm Phật mà sanh. Thế nên biết niệm Phật là vua của các pháp". Ngài Pháp Chiếu hỏi: "Đệ tử phải niệm như thế nào?" Bồ Tát bảo: “Ở thế giới phương Tây có Phật A Di Đà. Nguyện lực của đức Phật ấy không thể nghĩ bàn, ngươi nên tưởng niệm chớ cho gián đoạn, khi mạng chung quyết định sẽ được vãng sanh không còn thối chuyển". Nói rồi, Bồ Tát đưa cánh tay sắc vàng xoa đảnh ngài Pháp Chiếu và bảo rằng: "Do ngươi niệm Phật, không bao lâu sẽ chứng quả vô thượng Bồ Đề". Đại sư được thọ ký rồi, vui mừng đảnh lễ lui ra.

---o0o---

Phổ Hiền Bồ Tát

(Theo kinh Bi Hoa, Bồ Tát khi xưa là Thái Tử Vẫn Đồ, con thứ tám của Vua Luân Vương, thời đức Phật Bảo Tạng. Sau Khi Thái Tử đối trước Phật phát đại nguyện, liền được đổi tên là Phổ Hiền và được thọ ký về sau thành Phật hiệu là Trí Cang Hầu Tự Tại Tướng Vương ở thế giới Trí Thủy Thiện Trụ Tịnh Công Đức nơi phương Bắc. Lại theo Kinh Hoa Nghiêm, Bồ Tát đã là vị tả phụ của Phật Tỳ Lô Giá Na mà còn dùng mười đại nguyện vương khuyến dẫn hải chúng Bồ Tát trong cõi Hoa Tạng đồng về Cực Lạc. Chúng ta là kẻ hạ phàm há chẳng phát nguyện làm theo ư?)

* Kinh Hoa Nghiêm nói: "Khi Phổ Hiền Bồ Tát khen ngợi công đức thù thắng của Như Lai rồi, liền bảo các Bồ Tát và ngài Thiện Tài rằng: "Nếu muốn thành tựu công đức ấy, phải tu mười điều hạnh nguyện rộng lớn.

Kính lễ chư Phật

Khen ngợi Như Lai

Rộng tu sự cúng dường

Sám hối nghiệp chướng

Tùy hỷ các công đức

Thỉnh Phật chuyển pháp luân

Thỉnh Phật trụ ở đời

Thường theo Phật tu học

Hằng thuận các chúng sanh

Hồi hướng khắp tất cả.

Nếu có người nào dùng lòng tin sâu, thọ trì đọc tụng đại nguyện này, cho đến biên chép bốn câu kệ, sẽ được mau tiêu trừ tội ngũ vô gián. Khi người ấy lâm chung, trong khoảng sát na rốt sau, tất cả các căn thảy đều tan hoại, chỉ có đại nguyện này không rời bỏ nhau, liền được sanh về thế giới Cực Lạc".

* Kinh Như Lai Bất Tư Nghì Cảnh Giới nói: "Nếu có người vì cầu đạo vô thượng Bồ Đề, ở trong một việc chuyên tâm tu tập, tất sẽ được thành tựu. Ví như có người uống một bụm nước ở biển cả, tức là đã uống tất cả nước sông trong cõi Diêm Phù Đề. Nếu Bồ Tát có thể tu tập môn Niệm Phật Bồ Đề hải này, tức là đã tu tập tất cả tam muội, các nhẫn, các địa, các đà la ni”.

---o0o---

Mã Minh Bồ Tát

(Theo bộ Truyền Đăng Lục, khi Bồ Tát sanh ra, cảm động đến bầy ngựa đều bi thương kêu la. Bồ Tát lại khéo thuyết pháp, có thể khiến cho bầy ngựa nghe rồi rơi lệ kêu thương. Sau khi đức Thích Ca diệt độ 600 năm, 96 thứ ngoại đạo ở Tây Vực đều phục hưng, phá hủy Phật Pháp; Bồ Tát bèn thị hiện sanh ở miền Đông Ấn Độ, nước Tang Kỳ Đa, làm nhiều bộ luận hiển chánh phá tà. Trong bộ luận Khởi Tín, Bồ Tát khuyên người niệm Phật, cầu sanh

Tây Phương. Khi lâm chung, ngài vào phép Long Phấn Tấn Tam Muội, đưa mình lên hư không, tỏa ra ánh sáng rực rỡ như mặt trời, kế đó lại trở về bản vị mà nhập Niết Bàn).

* Luận Đại Thừa Khởi Tín nói: "Nên mạnh mẽ tinh tấn, ngày đêm sáu thời, lễ bái chư Phật; thành tâm sám hối, khuyến thỉnh, tùy hỷ, hồi hướng về quả Bồ Đề. Tu tập như thế không thôi nghỉ thì sẽ được khỏi các chướng, căn lành thêm lớn". Lại nói: "Như Lai có thắng phương tiện để nhiếp hộ kẻ tín tâm. Ấy là dùng nhân duyên chuyên nhớ niệm Phật tùy nguyện cầu sanh về Tịnh Độ ở phương khác, do được thường thấy Phật nên vĩnh viễn xa lìa ác đạo. Như trong Tu Đa La nói: "Nếu người chuyên niệm Phật A Di Đà ở phương Tây, đem những căn lành mình tu hồi hướng về cõi kia, thì được vãng sanh. Do thường thấy Phật nên không còn lo thối chuyển".

---o0o---

Long Thọ Bồ Tát

(Nhân vì ngài sanh dưới cội cây có rồng ở, lại đắc đạo ở Long Cung, nên gọi là Long Thọ. Bồ Tát dòng Phạm Chí, người xứ Nam Thiên Trúc, rộng hiểu các môn học thế gian, mới xuất gia ba tháng đã thông suốt tam tạng. Bấy giờ Long Vương rước ngài xuống Long Cung; trong chín tuần ngài xem Long Tạng chưa đầy muôn một, liền ngộ vô sanh nhẫn. Khi trở về nhân gian, Bồ Tát hoằng truyền Phật Giáo, tạo ra bộ Bà Sa Luận, trong ấy có khuyên người niệm Phật cầu sanh Tây phương. Sau ngài vào Nguyện Luân định mà tịch. Trong kinh Lăng Già, đức Phật đã huyền ký: "Sau xứ Nam Thiên Trúc. Có Long Thọ tỳ khưu. Hay hiển nghĩa trung đạo. Chứng Sơ Hoan Hỷ địa. Sanh về cõi Cực Lạc").

* Luận Đại Trí Độ nói: "Niệm Phật Tam Muội có thể trừ các thứ phiền não và tội đời trước. Lại nữa, Niệm Phật Tam Muội có phước đức lớn hay độ chúng sanh. Cho nên các Bồ Tát muốn độ sanh, nếu tu các pháp tam muội khác, tất không bằng môn Niệm Phật Tam Muội, vì môn này có phước đức lớn, mau diệt các tội. Phật là pháp vương, Bồ Tát là pháp tướng, chỗ Bồ Tát tôn trọng duy có Phật, Thế Tôn. Bồ Tát thường khéo tu nhân duyên niệm Phật, nên thường gặp chư Phật, như kinh Bát Chu có nói: "Bồ Tát vào tam muội này, liền hiện sanh về cõi Phật A Di Đà".

* Luận Bà Sa nói: "Đức A Di Đà có bản nguyện như thế này: "Nếu người xưng niệm danh hiệu và quy y nơi ta, kẻ ấy quyết được quả vô thượng Bồ Đề". Cho nên, phải thương nhớ niệm Phật. Lại dùng kệ khen ngợi Phật rằng:

Trí huệ sáng vô lượng.

Thân như tòa kim sơn.

Con dùng thân, miệng ý,

Chắp tay cúi đầu lạy.

Chân Phật ngàn bức luân,

Sắc hoa sen mềm dịu,

Kẻ thấy đều vui mừng,

Cúi đầu lễ chân Phật.

Tướng bạch hào sáng đẹp,

Trong sạch như trăng Thu,

Ánh tỏa khắp mặt vàng,

Nên con cúi đầu lạy,

Nếu người muốn thành Phật.

Tâm niệm A Di Đà,

Theo thời vì hiện thân,

Cho nên con quy mạng.

Người xưng niệm nơi Phật,

Sức công đức không lường,

Thì liền được vào định.

Cho nên con thường niệm.

Nếu người trồng căn lành,

Nghi thì hoa không nở,

Kẻ lòng tin trong sạch,

Hoa nở liền thấy Phật

Do nhân duyên phước này,

Tất được đức thắng diệu,

Nguyện các loài chúng sanh,

Cũng đều được như vậy.

---o0o---

Thiên Thân Bồ Tát

(Bồ Tát người xứ Thiên Trúc, khi mới xuất gia học theo pháp Tiểu Thừa, hủy báng kinh điển Đại Thừa. Sau ngài nhờ anh là Vô Trước nhiều phen chỉ dẫn, mới hối ngộ sự lỗi lầm, muốn tự cắt lưỡi. Vô Trước bồ tát bảo: "Xưa em dùng lưỡi hủy báng Đại Thừa, nay phải dùng lưỡi mà tán dương pháp ấy để chuộc tội. Việc sửa lỗi hãy còn chưa muộn, nếu cắt lưỡi đi, nào có ích gì?" Vâng lời anh, Ngài Thiên Thân từ đó đem hết tâm tư, tạo ra hơn 100 bộ luận Đại Thừa. Trong ấy có luận Vãng Sanh, phát huy rõ ràng sự trang nghiêm lợi ích của cõi Tịnh Độ. Người niệm Phật nên chú ý đến luận này).

* Vô Lượng Thọ Kinh Luận nói: "Nếu tu ngũ niệm môn thành tựu, kết quả sẽ được vãng sanh về Cực Lạc, thấy Phật A Di Đà. Ngũ niệm môn là gì?

Lễ bái môn

Tán thán môn

Phát nguyện môn

Quán sát môn

Hồi hướng môn.

Lễ bái là thế nào? Ấy là dùng thân lễ Đức Phật A Di Đà, tỏ ý cung kính, cầu Phật nhiếp thọ.

Tán thán môn là thế nào? Đây là dùng miệng khen ngợi sắc thân, danh nghĩa, ánh sáng, trí huệ của Đức Như Lai kia, muốn tu hành như thật cho được tương ưng.

Phát Nguyện môn? Ấy là một lòng chuyên niệm vào nơi chánh định, nguyện sanh về Cực Lạc.

Quán sát là thế nào? Đây là dùng chánh niệm quán sát công đức trang nghiêm của cõi Cực Lạc, công đức trang nghiêm của Phật A Di Đà, và công đức trang nghiêm của chư Bồ Tát, và Thánh Chúng.

Hồi hướng là thế nào? Ấy là tâm từ bi không bỏ những chúng sanh khổ não, nguyện đem căn lành công đức của mình, hồi hướng cầu cho tất cả loài hữu tình đều được sanh về Cực Lạc.

---o0o---

Giác Minh Diệu Hạnh Bồ Tát

(Theo bộ Tây Phương Xác Chỉ, Bồ Tát tự bày tỏ túc nhân như sau: "Thuở trước, về đời vua Minh Đế nhà Tấn, ta là một kẻ bần cùng. Tự thương cảnh ngộ của mình, ta phát đại nguyện rằng: "Tôi vì túc nghiệp nên chịu quả báo nghèo khổ này. Từ đây tôi nguyện niệm Phật tu hành, nếu không được thấy Phật A Di Đà và sanh về Cực Lạc để thành tựu tất cả công đức, thì dù có phải tan nát thân mạng này, tôi cũng không thôi bỏ". Phát nguyện rồi, trong bảy ngày đêm ta chuyên tinh tưởng niệm, liền được tâm khai, thấy thân tướng Phật A Di Đà, đẹp đẽ sáng chói, đầy khắp mười phương thế giới. Lúc ấy ta được Phật thọ ký cho, và về sau năm 75 tuổi ta thoát hóa, sanh về Cực Lạc. Nay vì bản nguyện lợi sanh, ta trở lại cõi này, tùy phương hóa độ").

* Trong Bộ Tịnh Độ Thánh Hiền Lục có nói: "Từ năm Sùng Trinh thứ 16 đời nhà Minh, đến năm Thuận Trị thứ 4 đời nhà Thanh, Bồ Tát thường hay giáng thần nơi Ngô môn chỉ dạy về pháp môn niệm Phật".

* Trong bộ Tây Phương Xác Chỉ, Bồ Tát dạy: "Tâm vốn không niệm, niệm do tưởng sanh. Cái tưởng ấy giả dối, khiến cho chúng sanh mãi chịu luân hồi. Nay các ngươi nên biết một câu A Di Đà Phật đây, không từ nơi tưởng mà sanh, chẳng do nơi niệm mà có, không dính mắc trong ngoài, chẳng có tướng mạo chi. Hiểu rõ như thế thì trừ hết các vọng tưởng, cùng với pháp thân của Phật cùng đồng không khác, không thể phân biệt. Niệm như thế thì không phiền não trần lao, không đứt đoạn, không bỏ cuộc, thế là nhứt tâm.

Được chỗ nhất tâm này, mới gọi là "giữ lấy danh hiệu" mới gọi là "một lòng không loạn."

*Nếu niệm Phật không nhất tâm, phải quyết ý dứt những tư tưởng vẩn vơ, chậm rãi mà niệm, làm sao cho tiếng hiệp với tâm, tâm hiệp cùng tiếng. Cứ như thế niệm mãi, lâu lâu vọng tưởng sẽ lặng dừng, tâm cảnh sẽ sáng tỏ chứng vào Niệm Phật tam muội. Kệ rằng:

Nói ít một câu chuyện,

Niệm nhiều một câu Phật.

Đánh được vọng niệm chết,

Hứa pháp thân ngươi sống.

Trước khi niệm Phật, phải phát đại nguyện sanh về Cực Lạc, rồi sau chí thành khẩn thiết xưng thánh hiệu đức A Di Đà. Khi niệm phải khiến cho tiếng duyên theo tâm, tâm duyên theo tiếng, tâm và tiếng nương nhau, giữ cho bền lâu đừng mất, thì sẽ được vào chánh ức niệm tam muội.

* Đại để người tu tịnh nghiệp, khi đi đứng nằm ngồi, đều phải hướng về phương Tây thì cơ cảm dễ thành, căn cảnh dễ thuần thục. Trong thất chỉ cúng một tượng Phật, một quyển kinh, một lư hương, còn bàn, ghế và giường mỗi thứ chỉ một cái, không nên để nhiều vật khác. Ngoài sân cũng phải quét dọn sạch sẽ, để cho khi đi kinh hành không bị trở ngại. Điều cần yếu là làm sao cho tâm mình không vướng một mảy trần, dứt bặt muôn điều lo nghĩ, rỗng rang trong sáng, không biết có thân, có đời, cũng không biết hành động của mình hôm nay là việc tu hành. Được như thế thì cùng với đạo ngày gần, với đời ngày xa, có thể xu hướng về tịnh nghiệp.

Phép tu Tịnh Độ không ngoài hai chữ “chuyên cần”, Chuyên thì không thêm một việc chi khác, Cần thì không bỏ phí phút giây. Lại phép trì danh, cần mỗi chữ mỗi câu tâm và tiếng nương nhau, không xen lẫn một mảy niệm đời, lâu ngày thành thục, quyết định được sanh về Cực Lạc, ngồi tòa bảo liên, lên ngôi bất thối.

Bài Kệ Phát Nguyện Của Đại Từ Bồ Tát

Phật mười phương ba đời,

A Di Đà bậc nhất,

Chín phẩm độ chúng sanh,

Oai đức không cùng cực

Nay con đại qui y,

Sám hối tội ba nghiệp

Có bao nhiêu phước lành,

Hết lòng xin hồi hướng.

Nguyện chúng bạn đồng tu,

Cảm ứng theo thời hiện,

Khi lâm chung, cảnh Phật,

Hiện trước mắt rõ ràng

Kẻ thấy, nghe tinh tấn,

Đồng sanh về Cực Lạc,

Thấy Phật khỏi sanh tử,

Như Phật độ muôn loài.

---o0o---

Huệ Viễn Đại Sư

(Đại sư họ Giả, người xứ Nhạn Môn, tinh học về thuyết Nho, Lão. Năm 21 tuổi, sư nghe ngài Đạo An giảng kinh Bát Nhã, bỗng tỏ ngộ than rằng: "Các môn học Nho, Lão, đều như lúa lép thôi!" Nhân đó bèn xuất gia, thệ hoằng dương Phật Giáo. Ngài Huệ An từng khen: "Chánh pháp truyền bá ở Trung Hoa, là do Huệ Viễn này chăng?" Sau Đại Sư vào Lô Sơn, cảm rồng khai mạch nước, thần vận chuyển cây để cất chùa Đông Lâm. Ngài từng đào ao trồng sen, hợp chúng lại ngày đêm sáu thời niệm Phật cầu sanh Tây phương, nhân gọi là Liên Xã, Đại sư ở trong non hơn 30 năm, vua vời cũng không đi,

từng ba lần trông thấy thánh tướng, song trầm hậu không nói ra. Năm Nghĩa Hy thứ 12, Phật lại hiện, ngài bèn ngồi ngay nhập diệt, thọ được 83 tuổi. Người sau tôn Đại sư làm Sơ Tổ trong Liên Tông)

* Đại sư nói: "Sao gọi là Niệm Phật tam muội? - Ấy là nhớ chuyên, tưởng lặng vậy. Nhớ chuyên thì chí không chia, tưởng lặng thì khí thanh thần sáng. Khí thanh thì trí giác soi khắp, thần sáng thì chiếu suốt chỗ tối tăm. Hai điều này thầm hợp nhau, hội lại mà ứng dụng. Các môn tam muội, danh mục rất nhiều, nhưng về phần công đức cao, dễ tu tiến, thì Niệm Phật là bậc nhất. Tại sao thế? - Vì Như Lai là đấng đã chứng cùng cực lý huyền tịch, thể và thần hiệp biến, ứng hóa không cùng. Cho nên kẻ tu môn định này nương nhờ Phật lực, bỗng nhiên vọng giác tiêu tan, tức nơi cảnh sở duyên mà lặng lẽ dường như gương sáng, gương lòng sáng thì ánh linh giao chiếu, muôn tượng sanh bày. Chừng ấy sự thấy nghe dung thông, không còn cuộc hạn trong vòng tai mắt, linh thể một màu, tự nhiên trong sáng. Và khi ấy tâm hợp lý huyền, vọng tình tan mất, chỗ tuyệt diệu trong đời có chi hơn đây ư?

Rất mong các hiền giả tu theo pháp này gắng chí hành trì, làm sao cho được khế ngộ, cảm tấc bóng dễ tàn, lo chưa đầy công đức, ngồi ngay ngắn trên bồ đoàn, rửa sạch lòng nơi pháp tọa, ban ngày siêng năng, ban đêm quên ngủ. Như thế mới mong sánh bước người trên, dắt dìu kẻ dưới được".

---o0o---

Đàm Loan Đại Sư

(Đại sư người xứ Nhạn Môn, thuở nhỏ dạo chơi non Ngũ Đài, cảm điềm linh dị mà xuất gia. Ngài ưa thuật trường sanh, từng theo Đào Ẩn Cư thọ mười quyển Tiên Kinh. Sau gặp ngài Bồ Đề Lưu Chi, Đại Sư hỏi: "Đạo Phật có thuật trường sanh chăng?" Ngài Lưu Chi trao cho kinh Thập Lục Quán và bảo: "Đây là phép trường sanh của Phật Giáo". Đại sư cả mừng, liền đốt Tiên Kinh, chuyên tu tịnh nghiệp, dù đau yếu cũng không tạm nghỉ. Ngụy chúa nghe danh phong cho hiệu là Thần Loan. Khi lâm chung, Đại Sư kêu chúng lại dạy rằng: "Biển trần lao khổ nhọc, không biết đâu là bến nghỉ ngơi, cảnh địa ngục rất đáng kinh sợ, môn Tịnh Độ cần phải tu hành" Nói xong, bảo chúng cao tiếng niệm Phật hướng về Tây cúi đầu mà tịch. Khi ấy mọi người đều nghe tiếng thiên nhạc từ phía Tây trổi lên, giây lâu mới dứt).

* Đại sư dạy: "Ngoài bổn nguyện cầu sanh, lại cần phải phát lòng Bồ Đề, được vãng sanh cùng không, lấy đây làm chỗ y cứ".

* Thế nào là "Thập niệm tương tục". - Đáp: Ví như có người ở nơi đồng vắng bị giặc cướp rút gươm rượt theo muốn giết, sợ hãi quá chạy thẳng miết đến một con sông. Đến đây người ấy thoáng nghĩ: "Nếu qua được sông này ta mới mong bảo toàn thân mạng, nhưng bây giờ để y phục lội sang hay là cởi bỏ? Nếu để y phục sợ e sông rộng vướng mắc lội không thoát còn cởi bỏ thì không kịp vì giặc đuổi gần tới! Bấy giờ người ấy chỉ có một niệm tìm phương tiện làm sao cho qua được sông thôi, tuyệt không có ý nghĩ chi khác. Hành giả niệm Phật lại cũng như thế, chỉ chuyên thiết niệm, không có tạp tưởng, tâm tâm nối nhau cho đến mười niệm, gọi là "Thập niệm tương tục".

* Người niệm Phật khi bình thời nên ước hẹn với năm ba bạn đồng tu, đến lúc lâm chung nhắc nhở trợ niệm lẫn nhau. Như thế sự vãng sanh mới có phần vững chắc.

---o0o---

Trí Giả Đại Sư

(Đại sư húy là Trí Khải, vị sơ tổ của tông Thiên Thai. Ngài họ Trần, người đất Vĩnh Xuyên, khi sanh ra có thần quang chiếu sáng cả nhà. Năm 18 tuổi ngài xuất gia, tham học với Huệ Tư thiền sư. Thấy ngài đến, thiền sư nói: "Năm xưa ta với ngươi đồng ở Linh Sơn pháp hội, túc duyên đeo đuổi, nay lại gặp nhau". Đại sư nương theo ngài Huệ Tư, chuyên tu không bao lâu chứng được Pháp Hoa Tam muội, trí huệ biện tài vô ngại. Ngài có soạn ra bộ Tịnh Độ Thập Nghi Luận khuyên người niệm Phật. Vua Tuyên Đế nhà Trần mến đức, cất chùa thỉnh Đại Sư về trụ trì. Vua Dượng đế nhà Tùy cũng thọ giới cùng ngài, lại tứ hiệu là Trí Giả. Sau Đại Sư trở về núi Thiên Thai, pháp hóa càng thạnh. Mùa đông năm Khai Hoàng thứ 17, ngài hướng về Tây niệm Phật tọa hóa, thọ được 67 tuổi).

* Đại sư nói: "Muốn quyết định được sanh về Tây Phương cần phải đủ hai hạnh: Yểm Ly và Hân Nguyện.

Thế nào là hạnh Yểm Ly? Phải quan sát thân này đầy đủ sự nhơ nhớp, chịu nhiều nỗi đau khổ, không có chi là vui, mà sanh lòng nhàm chán muốn thoát ly. Nghĩ tưởng như thế thì lửa dâm dục phiền não lần lần giảm bớt. Lại phát nguyện cầu được vĩnh viễn xa lìa cõi trần khổ lụy, không còn thọ cái nghiệp thân nam nữ, máu mủ, tanh hôi, đắm mê theo ngũ dục, cầu được mau về Tịnh Độ chứng thân pháp tánh trong sạch quang minh. Đó là hạnh Yểm Ly.

Thế nào là hạnh Hân Nguyện? Trong đây có hai điều:

1. Nên nghĩ chúng sanh chìm trong biển khổ, mình là phàm phu không đủ sức cứu độ. Nay tha thiết muốn về Cực Lạc, gần gũi với Phật, tu hành chứng quả vô sanh, để độ thoát lấy mình, báo đáp bốn ấn, cứu chúng sanh khổ não. Đó là mục đích cầu sanh.

2. Duyên tưởng báo thân của Phật sắc vàng sáng rỡ, có 84.000 tướng, mỗi tướng có 84.000 vẻ đẹp, mỗi vẻ đẹp phóng ra 84.000 tia sáng, soi khắp pháp giới nhiếp lấy những chúng sanh niệm Phật. Lại quán tưởng cõi Cực Lạc bảy báu trang nghiêm, đầy đủ sự an vui mầu niệm, mà sanh ra lòng ưa thích. Do đó gắng sự bố thí, trì giới, niệm Phật, tu các hạnh lành, rồi đem hồi hướng, nguyện mình cùng tất cả chúng sanh, đều được sanh về Tịnh Độ. Làm như thế thì quyết định được vãng sanh, và đây là hạnh Hân Nguyện.

---o0o---

Đạo Xước Đại Sư

Đại sư họ Vệ, người Tính Châu. Năm 14 tuổi, ngài xuất gia, học kinh luận, lại theo Toản thiền sư tập tham thiền. Sau nhân về ở chùa Huyền Trang miền Bích Cốc, ngài mến hạnh nghiệp của Đàm Loan pháp sư, thường lễ niệm sáu thời hướng về Tây ngồi tĩnh tọa. Đại sư định khóa niệm Phật ngày đêm bảy muôn câu. Có một vị tăng nhập định, thấy ngài cầm chuỗi chói sáng như hòn núi thất bảo. Ngoài ra, những điềm linh dị khác không thể kể xiết. Đại sư giảng Tịnh Độ tam kinh gần vài trăm lượt, giảng xong đại chúng tản mác ra niệm Phật tiếng vang động khắp rừng núi. Cho đến mấy huyện ở gần, trẻ em từ bảy tuổi sắp lên đều biết niệm Phật. Lúc sư lâm chung, đại chúng thấy Hóa Phật giữa hư không, hoa trời rơi xuống như mưa, xem lại ngài đã tịch.

* Đại sư bảo: "Người tu tịnh nghiệp khi ngồi nằm không được xây lưng về hướng Tây, cũng không được hướng về Tây khạc nhổ cùng đại tiểu tiện. Bởi đã quy y về liên bang, nên tôn sùng miền kim địa, nếu lòng không trân trọng, đâu phải là chí nguyện cầu sanh?"

* Hỏi: Niệm hồng danh đức A Di Đà, có thể tiêu trừ nghiệp vô minh tăm tối và được vãng sanh; sao có người xưng niệm mà vô minh vẫn còn, lại không mãn nguyện, là duyên cớ gì? Đáp: Do không như thật tu hành, cùng với danh nghĩa không hợp nhau, ấy bởi chẳng biết Như Lai là thân thật tướng, là thân vị Phật. Lại có ba thứ không tương ứng, nên không được vãng sanh.

1. Lòng tin không thuần, khi còn khi mất.

2. Lòng tin không duy nhất thường đổi thay không quyết định.

3. Lòng tin không tương tục, hằng bị tạp niệm làm cho gián đoạn.

Cho nên khi niệm Phật phải nhiếp tâm đừng cho tán loạn, nếu niệm được tương tục là tín tâm, là nhất tâm, là thuần tâm. Niệm như vậy mà không vãnh sanh, ấy là vô lý.

---o0o---

Thiện Đạo Đại Sư

Đại Sư là tổ thứ hai trong Liên Tông. Ban sơ, nhân thấy đạo tràng Tịnh nghiệp của Ngài Đạo Xước, sư mừng rỡ nói rằng: "Đây mới là nẻo bí yếu để thành Phật". Rồi đó ngài đến kinh đô khuyên chúng tu Tịnh Độ, thường quỳ niệm Phật cho đến khi kiệt lực mới thôi. Đại sư giảng môn Tịnh Độ hơn 30 năm, tu hành chuyên cần, chưa từng ngủ nghỉ. Được bao nhiêu của thí, ngài dùng tả kinh Di Đà hơn mười muôn quyển, vẽ thánh cảnh Tây Phương hơn ba trăm bức. Đại sư, cảm hóa hàng đạo tục rất đông, trong ấy số người được tam muội sanh Tịnh Độ nhiều không xiết kể. Một hôm, ngài leo lên cây liễu, hướng về Tây, chú nguyện xong gieo mình xuống rơi nhẹ như lá, ngồi kiết dà mà tịch. Vua Cao Tông phục sự thần vị của Ngài, phong cho hiệu chùa là Quang Minh.

* Đại sư dạy: "Đấng đại thánh xót thương, khuyên người chuyên xưng danh hiệu, bởi vì phép xưng danh rất dễ, nếu có thể giữ mỗi niệm nối nhau, lấy suốt đời làm hạnh, thì mười người tu, mười người vãng sanh, trăm người tu, trăm người vãng sanh. Tại sao thế? Vì không có duyên tạp nên được chánh niệm, vì cùng với bản nguyện của Phật hợp nhau, vì không trái với kinh giáo, vì thuận theo lời Phật. Nếu bỏ chuyên niệm mà tạp tu trong trăm người may ra được một hai người, trong ngàn người hy vọng được ba bốn người vãng sanh mà thôi".

* Người niệm Phật khi lâm chung chớ nên sợ chết. Phải thường nghĩ rằng: thân này không sạch, chịu nhiều sự khổ, nếu được bỏ huyễn thân mà sanh về Tịnh Độ, chính là điều đáng vui mừng!

* Lúc đau yếu, chỉ nghĩ đến sự vô thường, một lòng niệm Phật chờ chết. Nhớ dặn người thân cận, khi có ai đến thăm nên khuyên vì mình mà niệm Phật, đừng nói chuyện tạp ở thế gian. Nếu bịnh nặng sắp chết, người xung quanh không được khóc lóc, phải đồng thanh niệm Phật đợi chừng nào bịnh

nhơn tắt hơi, trong mình lạnh hết rồi mới nên cử ai. Như được người hiểu rõ lý Tịnh Độ thường đến khuyên lơn nhắc nhở cho, đó thật là điều đại hạnh. Dùng theo phương pháp trên đây quyết định sẽ vãng sanh.

* Việc sống chết luân hồi rất lớn lao, phải tự mình gắng sức mới được, nếu một niệm sai lầm để luống qua, thì nhiều kiếp chịu khổ, có ai thay thế cho mình? Nên suy nghĩ kỹ, nên suy nghĩ kỹ.

* Khi sắp đi nghỉ, lễ Phật quán tưởng, rồi đọc bài văn phát nguyện rằng: "Con... là phàm phu trong vòng sanh tử, tội chướng nặng sâu, luân hồi sáu nẻo, khổ không nói được! Nay gặp trí thức, được nghe thánh hiệu đức Phật A Di Đà, cùng với bổn nguyện, công đức của Phật, một lòng xưng niệm, cầu nguyện vãng sanh, Nguyện Phật từ bi không bỏ, xót thương nhiếp thọ. Nay đệ tử con chưa biết thân Phật, tướng đẹp quang minh, xin Phật hiện ra cho con được thấy. Lại con chưa biết, Quán Âm, Thế Chí, các chúng Bồ Tát, tướng mầu sáng rỡ và thế giới kia trong sạch trang nghiêm, xin khiến cho con, thấy được tỏ tường".

* Lại khi sắp đi ngủ, nên quán thắng cảnh Tây Phương, hoặc quán tướng tốt của Phật, không được nói tạp, cũng không được cầu thấy điềm lành, chỉ một lòng chuyên tu, tự có lúc được thấy. Hoặc lại chỉ niệm Phật cho đến lúc ngủ quên. Mấy điều trên đây, chuyên lấy một pháp, không tạp dụng. Và cần phải thật hành cho bền lâu, thì công phu tịnh nghiệp tất không luống uổng.

---o0o---

Hoài Cảm Đại Sư

(Về lai lịch, chưa rõ Đại Sư xuất thân từ đâu. Chỉ biết ban sơ, Sư cùng với ngài Huyền Trang, Từ Ân, đồng là người trong tông Pháp Tướng. Sư tánh tình cang nghị, tinh khổ siêng học, nghi rằng: "Niệm Phật trong thời gian ngắn, làm sao được sanh về Tây Phương?" nên đem nghĩa này hỏi tổ Thiện Đạo. Tổ bảo: "Đó là lời thành thật của Phật, đâu có giả dối ư?". Lại bảo ngài vào đạo tràng niệm Phật cầu chứng nghiệm. Đại sư y lời, tu hành 21 ngày không thấy điềm lành, hận mình chướng sâu, muốn tuyệt thực. Tổ không cho, khuyên tiếp tục tu hành. Sư tinh tu ba năm, cảm hóa Phật phóng kim quang, thấy được tướng bạch hào, liền chứng Niệm Phật tam muội. Nhân đó, ngài viết ra bảy quyển "Tịnh Độ Thích Quần Nghi Luận". Khi lâm chung, Đại Sư thấy hóa Phật đến rước, bèn hướng về Tây mà tịch).

* Đại sư dạy: "Chí tâm niệm Phật tức là ý nghiệp làm lành, xưng danh hiệu Phật là khẩu nghiệp làm lành, chắp tay lễ bái là thân nghiệp làm lành. Do ba nghiệp ấy, làm lành, nên có thể diệt tội nặng sanh tử trong tám mươi ức kiếp, nhờ hạnh nguyện nương nhau, quyết định được vãng sanh".

* Cần phải niệm Phật ra tiếng thì tam muội dễ thành, niệm thầm nhỏ phần nhiều tâm tán loạn. Điều này riêng học giả tự biết, người ngoài không rõ thấu được.

* Phương pháp niệm Phật ở trong nhà tối, trong thánh giáo không thấy nói. Nhưng người sơ học nếu ở trong nhà tối, tuyệt các việc thấy nghe, buông bỏ các duyên, chuyên nhất niệm Phật, hành trì như thế thì tam muội dễ thành. Ví như người đời khi nghĩ đến việc khó khăn mà không giải quyết được, là do vì loạn tưởng. Nếu kẻ ấy đóng chặt cửa lại một mình, nhắm mắt ngồi yên, do tâm điềm tịnh nên lần lần nghĩ ra manh mối. Điều này, người chưa thật hành đến, hay sanh nghi, nhưng với kẻ đã từng tu tập thì đó là một điểm cần yếu.

Lời Phụ: Tổ thứ ba, thứ tư, thứ năm trong Liên Tông là các ngài Thừa Viễn, Pháp Chiếu, Thiếu Khang sự hành hóa rất thạnh, song giáo pháp bị thất lạc, chỉ còn có sự tích thôi. Riêng về Tứ Tổ là ngài Pháp Chiếu, tục truyền có "Ngũ Hội Niệm Phật" nhưng Ấn Quang Đại Sư không công nhận, cho là sự ngoa truyền của đời sau. Vì muốn chọn phần tinh yếu, bớt sự rườm rà, nên trong đây không biên dịch ra.

---o0o---

Vĩnh Minh Đại Sư

(Ngài là vị Tổ thứ sáu trong Liên Tông, tục tánh họ Vương, người xứ Tiền Đường. Thuở còn tại chức ở ngoài đời, ngài có lấy tiền thuế mua vật mạng phóng sanh, bị khép vào tử tội, song thần sắc không biến, nên được vua ân xá. Sau khi đó ngài xuất gia, trước y chỉ theo Thúy Nham Thiền Sư, kế tham học với Thiều Quốc Sư, nhờ đức Quán Âm dùng nước cam lồ rưới nơi miệng nên được trí huệ, biện tài. Đại sư có trứ tác bộ Tông Cảnh Lục gồm một 100 quyển, lại viết ra bộ Vạn Thiện Đồng Quy tập, khuyên tu Tịnh Độ. Trung Ý vương mến hạnh đức, thỉnh ngài về trụ trì chùa Vĩnh Minh. Đại Sư định khóa mỗi ngày làm 108 việc thiện, ban đêm lên chót núi niệm Phật, mọi người nghe tiếng thiên nhạc rền vang giữa hư không. Ngài tụng kinh Pháp Hoa đến một muôn ba ngàn bộ. Năm Khai Bảo thứ 8, Đại Sư đốt hương cáo từ chúng, rồi ngồi ngay mà hóa, thọ được 72 tuổi).

* Đại sư dạy: "Phải một lòng quy mạng, trọn đời tinh tu, khi ngồi nằm thường hướng về Tây. Lúc lễ bái, niệm Phật, phát nguyện, phải khẩn khiết chí thành, không xen lẫn tạp niệm trạng như người bị hình lục, như kẻ đang ở lao tù, như gặp oán giặc rượt theo, như bị nước lửa bức bách, một lòng cầu cứu, nguyện thoát khổ luân, mau chứng vô sanh, để nối ngôi Tam Bảo, đền đáp bốn ơn, độ loài hàm thức. Chí thành như thế tất công phu không uổng. Trái lại, nếu lời và hạnh không hợp nhau, lòng tin không vững chắc, niệm lực thường gián đoạn không tương tục, đem sự biếng trễ ấy để mong vãng sanh thì e cho khi lâm chung khó gặp bạn lành, bị sức nghiệp lôi kéo, sự đau khổ ép bức, mà không thành chánh niệm. Vì sao? Bởi việc hiện tại là nhân, lúc lâm chung là quả, nhân phải cho thật, quả mới không hư, như âm thanh lớn thì tiếng vang dội rền xa, như hình ngay bóng mới thẳng vậy.

* Quả báo vui khổ đều do tâm tạo ra. Tâm nóng giận tà dâm là nghiệp địa ngục, tâm tham lam bỏn sẻn là nghiệp Ngạ Quỷ, tâm ngu si hôn ám là nghiệp súc sanh, tâm ngã mạn cống cao là nghiệp Tu La, giữ trọn năm giới là nghiệp Người, tinh tu mười điều lành là nghiệp Trời, chứng ngộ nhơn không là nghiệp Thanh Văn, rõ pháp nhơn duyên không là nghiệp Duyên Giác, tu hành sáu độ là nghiệp Bồ Tát, lòng chơn từ bình đẳng là nghiệp Phật. Nếu tâm trong sạch thì hóa sanh về Tịnh Độ, ở nơi bảo các, hương đài; tâm dơ nhiễm thì gởi chất nơi uế bang, ở cõi núi gò hầm hố. Muôn cảnh đều do tâm tạo, lìa nguồn tâm ra không có hình thể chi, vậy muốn được quả lành, phải tu nhân tịnh.

* Tứ liệu giản nói:

Có Thiền, không Tịnh Độ,

Mười người, chín ngại đường.

Khi ấm cảnh hiện ra,

Chớp mắt đi theo nghiệp

Không Thiền, có Tịnh Độ,

Muôn tu, muôn người sanh.

Khi được thấy Di Đà,

Lo gì không tỏ ngộ!

Có Thiền, có Tịnh Độ,

Cũng như cọp mọc sừng.

Đời nay làm thầy người,

Đời sau làm Phật, Tổ.

Không Thiền, không Tịnh Độ

Giường sắt, cột đồng lửa.

Muôn kiếp lại ngàn đời.

Chẳng có nơi nương tựa!

Lời Phụ: Tỉnh Thường Đại Sư, Tổ thứ bảy trong Liên Tông, giáo pháp bị thất truyền, chỉ có sự tích, nên không biên ra đây.

---o0o---

Tuân Thức Đại Sư

(Sư họ Diệp, quê quán ở Thái Châu, nhân bà mẹ lễ cầu đức Quán Thế Âm mà sanh ra. Ngài thọ cụ giới lúc 20 tuổi, ban đầu học luật, kế lại vào chùa Quốc Thanh tập về giáo quán Thiên Thai. Đại Sư chuyên trí cầu về Cực Lạc, tu pháp Bát Chu Tam Muội, khổ hạnh đến mửa ra máu. Với lòng kiên quyết, ngài lấy cái chết làm kỳ hạn, không thôi nghỉ. Đêm lại, sư mơ màng thấy đức Quán Thế Âm chỉ tay vào miệng lôi ra mấy con trùng, đầu ngón tay của Bồ Tát nước cam lồ túa ra chảy vào cổ họng mình, nhân đó mà hết bịnh. Sau ngài ở chùa Bảo Vân suất lãnh đại chúng đồng tu tịnh nghiệp. Đại sư có trứ tác mấy pho sách: Di Đà Sám Pháp, Tịnh Độ Quyết Nghi, Thập Niệm Pháp, Vãnh Sanh Lược Truyện, lưu hành ở đời. Lúc lâm chung, ngài đốt hương lễ Tam Bảo cầu chứng minh, rồi niệm Phật mà thoát, hưởng 69 tuổi).

*Đại sư nói: - Người tu tịnh nghiệp, khi làm công việc chi, dù trải qua nhiều sự duyên phiền nhọc, song trong tâm lúc nào cũng không quên câu niệm Phật. Ví như người đời có việc chi cần yếu giải quyết chưa xong, bỗng gặp duyên khác đến, tuy tới lui ngồi xuống, giao tiếp nói cười, làm việc này khác lăng xăng, nhưng trong tâm không ngớt lo nghĩ đến chuyện trước kia. Người niệm Phật phải tập tâm niệm của mình cũng y như thế, nếu niệm có thất lạc,

phải thâu nhiếp lại, lâu ngày thành thói quen, chừng ấy sự nhớ niệm được tự tại. Cho nên kinh Lăng Nghiêm nói: "Nếu cứ thế mà nhiếp tâm, tự nhiên có thể ngăn được niệm ác. Giả sử muốn làm ác, do vì nhớ Phật nên việc ác kia không thành, như người trong thân có mùi thơm, tự nhiên hơi hôi sẽ tan đi mất".

* Sớm mai thức dậy phục sức xong rồi, nên chấp tay về Tây niệm Phật. Nên lấy hơi dài, niệm liên tiếp luôn hết một hơi, kể là một niệm, niệm đủ mười hơi là mười niệm. Nhưng đừng nên quá cố gắng, hơi hoặc dài ngắn, tiếng hoặc cao thấp, niệm hoặc chậm mau, đều tùy tiện theo sức mình. Niệm xong, phát nguyện vắn tắt cầu sanh Tây Phương. Nếu có thờ Phật, nên đối trước Phật mà niệm, nhưng khi mới vào và lui ra, đều phải lễ ba lạy. Pháp thập niệm này rất tiện lợi cho người có nhiều duyên sự. Nếu mỗi ngày đều thật hành y theo đây, lấy trọn đời làm kỳ hạn, thì quyết định sẽ được vãng sanh.

---o0o---

Từ Giác Đại Sư

(Đại Sư húy là Tông Trách, người đất Tương Dương. Ngài xuất gia theo Tử Thiền Sư ở chùa Trường Lô tu hành, phát minh được chỗ tâm yếu. Trong năm Nguơn Hựu, Đại Sư rước mẹ già về ở nơi phương trượng phía đông chùa, khuyên mẹ niệm Phật. Bảy năm sau bà được vãng sanh. Ngài tuân theo quy củ ở Lô Sơn, kết Liên Hoa Thắng Hội, khuyên hàng tăng tục niệm Phật, cảm đến hai bị bồ tát Phổ Hiền, Phổ Huệ ứng mộng xin ghi tên vào hội, để tỏ lòng mật hộ tán thành. Từ đó, những người hướng về theo ngài càng lúc càng đông. Linh Chi luật sư khen ngợi ngài là bậc Đại Thừa đạo sư ở thời buổi ấy. Khi lâm chung, ngài ngồi kiết dà niệm Phật mà hóa).

* Đại sư nói: - Người mới học đạo, nhẫn lực chưa thuần, nên phải mượn tịnh duyên để giúp phần tăng tiến. Tại sao thế? - Bởi ở cõi Ta Bà, Phật Thích Ca đã nhập diệt, đức Di Lặc chưa giáng sanh; miền Cực Lạc thì từ phụ A Di Đà hiện đương thuyết pháp. Với đức Quán Âm, Thế Chí, người cõi Ta Bà luống khát ngưỡng danh lành, nếu về Tịnh Độ thì bậc thượng thiện nhân như hai ngài ấy, đều là bạn tốt. - Ta Bà, các loài ma nổi dậy, làm não loạn người tu; trái lại nơi cõi Cực Lạc trong ánh đại quang minh, đâu còn ma sự? - Ta Bà dễ bị tiếng tà quấy loạn, sắc đẹp mê tâm; miền Cực Lạc thì chim nước rừng cây đều tuyên dương diệu pháp, chánh báo thanh tịnh, đâu có nữ nhơn! Thế thì duyên tu hành thuận tiện đầy đủ, không đâu hơn cõi Tây Phương, tiếc

cho kẻ nông cạn kém tin, trở lại nghi ngờ hủy báng! Xin đưa ra đây ít điều để luận:

+ Ở cõi này, cảnh nhà thế ồn ào dễ khiến cho người chán, nên có nhiều kẻ mến cảnh chùa vắng lạnh, bỏ tục xuất gia. Nhưng nỗi khổ ở Ta Bà đâu phải chỉ có sự phiền phức của nhà đời, sự vui ở Cực Lạc mầu nhiệm không cùng, đâu phải chỉ như cảnh chùa thanh tịnh? Biết xuất gia là tốt mà không chịu cầu vãng sanh đó là điều lầm thứ nhất.

+ Ở cõi này, người tu hành khó nhọc, trải muôn dặm đường xa đi tìm bậc trí thức để phát minh việc lớn giải quyết sự sống chết luân hồi? Cõi Cực Lạc, đức Di Đà Thế Tôn nghiệp sắc tâm đều thắng, nguyện lực rộng sâu, một khi diễn tiếng viên âm, người nghe đều tỏ ngộ. Nguyện tham phỏng bậc trí thức mà không muốn thấy Phật là điều lầm thứ hai. Người tu ở cõi này thấy chùa lớn chúng đông đều ưa thích muốn ở, những chỗ chúng ít lại không muốn nương theo. Cõi Cực Lạc, hàng Nhất Sanh Bổ Xứ rất nhiều, các bậc người thượng thiện đều hội lại một chỗ. Muốn gần gũi chùa lớn mà không mến hải chúng thanh tịnh ở Tây Phương, là điều lầm thứ ba.

+ Ở cõi này, kẻ thượng thọ không quá trăm tuổi, tính lại lúc thơ ấu dại khờ, khi già cả suy yếu, lúc đau bịnh, khi ngủ nghỉ, bao nhiêu đó đã chiếm hơn phân nửa đời người; phương chi bậc Bồ Tát còn mê khi cách ấm, hàng Thanh Văn còn muội lúc xuất thai, tấc bóng ngàn vàng mười phần hao hết chín, mà tu hành chưa lên ngôi bất thối, thật đáng kinh lòng! Người ở Tây Phương thọ mạng không lường, một khi gởi chất nơi hoa sen thì không còn sự khổ sanh già bịnh chết, tu hành tiếp tục mãi cho đến khi chứng quả Bồ Đề. Cam chịu luân chuyển ở cảnh Ta Bà ngắn khổ, mà quên miền Cực Lạc trường xuân, là điều lầm thứ tư.

+ Ở cõi này, như bậc đã chứng quả vô sanh, sống trong dục trần mà không mê nhiễm mới có thể vận lòng từ bi, trí phương tiện, cứu độ muôn loài. Còn kẻ trí huệ cạn, mới tương ưng với đôi chút pháp lành, bèn cho mình là bậc cao siêu tự tại, chê bai Tịnh Độ, tham luyến Ta Bà, không biết tự lượng, mong sánh với bậc đại quyền Bồ Tát, để rồi ngày kia phải bị luân hồi đọa lạc, đó là điều lầm thứ năm. Trong kinh nói: "Phải nên phát nguyện cầu sanh về cõi kia", mà có kẻ chẳng tin lời Phật, khinh rẻ sự cầu sanh, há chẳng phải là mê ư? Than ôi! Người không biết lo xa, ắt có sự buồn gần, một khi mất thân này, muôn kiếp đành ôm hận, chừng ấy hối sao cho kịp!

---o0o---

Từ Chiếu Đại Sư

(Sư húy là Tử Nguơn, hiệu Vạn Sự Hưu, họ Mậu, người ở Côn Sơn. Bà mẹ nằm mơ thấy Phật vào cửa mà sanh ra Ngài. Năm 19 tuổi, ngài xuất gia tu môn chỉ quán sau nghe tiếng quạ kêu mà ngộ đạo. Lòng lợi tha sâu thiết, Đại Sư lập ra Bạch Liên Sám Đường, soạn nghi thức Bạch Liên sám pháp, thay chúng sanh lễ Phật sám hối, khuyên mọi người trì giới niệm Phật, cầu sanh Tây Phương. Ngài lại trứ thuật tập "Viên dung tứ độ tam quán tuyển Phật đồ", chỉ bày phần nhãn mục của Liên Tông. Vua Hiếu Tông triệu ngài đến điện Đức Thọ giảng về pháp môn Tịnh Độ, ban cho hiệu là Bạch Liên đạo sư. Khi lâm chung ngài chắp tay mà tịch, lúc làm lễ trà tỳ, xá lợi hiện ra vô số)

* Đại sư dạy: "Nay ngươi muốn tu pháp môn Niệm Phật tam muội, cầu sanh về Tịnh Độ để cho mau thành quả Bồ Đề, thì phần chánh hạnh là phải chuyên niệm Phật. Về phần trợ hạnh, phải dứt trừ điều ác, làm những việc lành, rồi đem công đức ấy hồi hướng về Tây Phương. Đó gọi là thả thuyền theo nước xuôi, lại thêm chèo chóng, tất nhiên mau đến bờ vậy".

* Sớm tối chuyên tâm lễ Phật Di Đà như chầu bậc đế vương không để lỗi thời, hành trì như thế lâu ngày sẽ được thêm sự thân thiết. Đến như niệm Phật thì miệng niệm, tâm tưởng, tâm và miệng hợp nhau, lại phát lòng ân trọng, tin chắc không nghi, công phu mỗi ngày càng thêm thuần thục, tự nhiên tam muội được thành tựu.

* Khi lâm chung thường có ba điều nghi, bốn cửa ải hay làm chướng ngại cho sự vãng sanh, phải dự bị suy nghĩ trước để phá trừ. Ba điều nghi là:

1) Nghi mình túc nghiệp sâu nặng, thời gian công phu tu hành ít, e không được vãng sanh.

2) Nghi mình bổn nguyện trả chưa xong, tham sân si chưa dứt e không được vãng sanh.

3) Nghi mình niệm Phật, Phật không đến rước e không được vãng sanh.

Bốn cửa ải là:

1) Hoặc nhân bị bịnh khổ mà trở lại hủy báng Phật không linh.

2) Hoặc nhân tham sống mà giết vật mạng cúng tế.

3) Hoặc nhân uống thuốc mà dùng rượu cùng chất máu huyết tanh hôi.

4) Hoặc nhân ái luyến mà tự ràng buộc với gia đình.

Lời Phụ: Đại sư nêu ra thuyết tam nghi tứ quan, nhưng không thấy nói phương pháp giải quyết, vì thời xưa người tin hiểu đạo nhiều, có thể tự suy xét đề phòng, hoặc giả ngài có nói mà sự sao truyền bị thất lạc đi chăng? Dù sao, đối với kẻ lòng tin cạn, kém hiểu biết, mấy điều trên đây gây ra sự nguy hại không ít. Nay tôi xin nói sư qua cách phá trừ, đọc giả có thể nhân đây tự suy nghĩ hiểu rộng thêm ra.

Phá điều nghi thứ nhất: Phật A Di Đà có bổn nguyện: những chúng sanh nào chí tâm tưởng muốn về Cực Lạc niệm danh hiệu ngài cho đến mười niệm, nếu không được vãng sanh thì Ngài thề không thành Phật. Phật không khi nào nói dối, vậy hành giả phải tin nơi Ngài. Mười niệm là thời gian, công phu tu hành rất ít mà còn được vãng sanh, huống chi ta niệm nhiều hơn số đó! Lại nữa, dù kẻ nào nghiệp chướng nặng nề đến đâu, nếu khi lâm chung chí tâm tin tưởng niệm Phật thì quyết định sẽ được vãng sanh. Thuở xưa, Trương Thiện Hòa là người trọn đời giết trâu bò, khi lâm chung tướng địa ngục hiện, sợ hãi niệm Phật, liền thấy Phật đến rước, cho đến loài chim sáo, két… niệm Phật còn được vãng sanh, huống chi ta chưa phải là tệ đến mức ấy!

Phá điều nghi thứ hai: Kinh Na Tiên nói: "Ví như hột cát nhẹ, bỏ xuống nước liền chìm, trái lại tảng đá to nặng nếu được thuyền chở, có thể đem từ chỗ này sang chỗ khác". Người niệm Phật cũng như thế, nếu ta tin tưởng niệm Phật, thì dù còn nghiệp chướng tội nặng bao nhiêu cũng được vãng sanh, vì nhờ nguyện lực của Phật tiếp độ, ví như tảng đá to mà được thuyền chở, tất phải bị chìm. Môn Niệm Phật là pháp "đới nghiệp vãng sanh", vậy người tu đừng nghĩ rằng mình còn tham, sân, si e không không được sanh về Tây Phương. Thí dụ trên đây có thể phá luôn khoản nghi về nghiệp nặng ở điều thứ nhất. Còn về bổn nguyện, có hai: đạo và đời.

Về đạo, hoặc có người nguyện cất chùa hay nguyện tụng số kinh chú bao nhiêu, chưa làm tròn đã đến ngày giờ chết. Phải nghĩ rằng: Chỉ tín tâm niệm Phật thì được vãng sanh, còn bổn nguyện rồi hoặc chưa rồi không có hại chi cả. Về đời, hoặc có người vì nhiệm vụ gia đình chưa xong, như trên có cha mẹ già không ai săn sóc, hay dưới có vợ con thơ dại không nơi nương tựa, tâm nguyện chẳng tròn nên lòng chưa yên. Phải nghĩ rằng: Hiện thời ta sắp chết, dù có lo hay không cũng không làm sao được. Nếu ta gác bỏ qua, chí

tâm niệm Phật, khi được về Tây Phương chứng đạo quả, thì tất cả bổn nguyện, trái duyên đều có thể trả xong, tất cả oán thân đều có thể cứu độ.

Phá điều nghi thứ ba: Người niệm Phật, do bổn nguyện của Phật và công đức của mình, khi lâm chung tất nhiên có Phật, Bồ Tát hay Thánh Chúng đến tiếp dẫn, chỉ cần yếu là lúc ấy mình phải chí tâm tưởng Phật, đừng nghĩ chi khác nếu nghi ngờ thì tự sanh ra chướng ngại. Tóm lại, khi lâm chung dù thấy điềm tốt hay không cũng đừng quản đến, chỉ hết lòng niệm Phật cho đến giây phút cuối cùng mà thôi.

Phá chung bốn cửa ải: Người niệm Phật mà bị tai bịnh khổ, đó là do nhờ công đức tu hành nên chuyển quả báo nặng đời sau thành quả báo nhẹ đời này, trả cho hết để được vãng sanh. Nếu trở lại nghi ngờ, hủy báng, là người kém tin hiểu, phụ ơn Phật, tự gây tội chướng cho mình. Thuở xưa, ông Ngô Mao tu hành chơn chánh, nhân bị loạn lạc bị giặc đâm bảy thương mà chết. Khi người em đến, ông bỗng tỉnh lại nói: "Tôi đời trước gây tội nặng, đáng lẽ khi chết phải bị đọa, nhưng nhờ đời này ăn chay, niệm Phật làm lành, nên chuyển quả nhẹ lại, phải chịu bảy vết thương này để trả bảy kiếp làm heo đời sau. Hiện thời Phật tiếp dẫn tôi về Tây Phương" Lấy một chuyện này có thể tỷ lệ suy ra để hiểu những điều khác. Lại thân này giả tạm tùy theo tội phước mà kiếp sống có vui có khổ lâu mau. Người đã biết ăn chay, giữ quy giới, niệm Phật, phải triệt để tin tưởng nơi Phật, tin chắc lý nhân quả. Khi bịnh hoạn hay lúc lâm chung chỉ nên sám hối, niệm Phật mà thôi. Rất không nên rước thầy pháp, đồng bóng, giết sanh hại vật cúng tế, hoặc nghe lời kẻ chưa hiểu đạo, trở lại ăn mặn, uống rượu, hay dùng chất thuốc bằng máu huyết tanh hôi. Lại trong gia đình từ cha mẹ, anh em, chồng vợ, con cái, đều là do đời trước có nợ nần ân oán nên mới tạm hội ngộ nhau, khi nhân duyên đã hết thì mỗi người mỗi ngả. Vậy ta nên rũ sạch tình trần, cầu sanh Tây Phương để độ tất cả người ân oán. Khi cái chết đến nơi, dù có quyến luyến cũng không thể đem theo, không làm chi được, mà chính mình phải bị luân hồi, không được vãng sanh. Nên suy nghĩ ghi nhớ kỹ

Thích Thiền Tâm

---o0o---

Hữu Nghiêm Đại Sư

(Ngài họ Hồ, quê ở Lâm Hải, lúc 6 tuổi xuất gia nơi chùa Linh Thứu, 14 tuổi thọ giới Cụ Túc. Theo học với Thần Chiếu Pháp Sư, ngài ngộ được ý chỉ Nhất Tâm Tam Quán. Kế đó, Đại Sư về làm tọa chủ chùa Xích Thành, sau

lại lên ở ẩn nơi ngọn núi phía Đông tòa Cố Sơn; bên thất ngài có cây Tra, nhân tự hiệu là Tra Am. Đại Sư giữ giới luật rất nghiêm, ngoài y bát ra không chứa vật chi. Ngài lại chuyên tu tịnh nghiệp, được tam muội, sự linh ứng rất nhiều; nếu có trứ thuật, đều xiển dương về Liên Tông. Vào niên hiệu Tĩnh Quốc năm đầu, một hôm ngài thấy thiên thần từ trên hư không giáng hạ nói: "Tịnh nghiệp của tôn đức đã thành tựu!" Đại sư lại nằm mộng thấy hoa sen lớn nở trong ao, nhạc trời vi nhiễu, khi tỉnh dậy làm thi để tự tiễn hành. Bảy hôm sau, ngài ngồi ngay thẳng mà hóa).

*Đại sư nói: - Đức Thế Tôn thương xót, dùng nhiều phương tiện để tiếp độ loài hữu tình. Cho nên người tu hành được vãng sanh cũng có nhiều cách: hoặc nhờ thiền định, tán thiện hoặc do Phật lực, Pháp lực, hoặc có người chỉ tu phước rồi mượn nguyện lực để hồi hướng, hoặc có kẻ lúc lâm chung quá sợ hãi niệm Phật mà được cứu độ. Những loại như thế số có đến ngàn muôn, chỉ nương nhờ một phương pháp, tất được vãng sanh. Về định thiện như kẻ tu môn diệu quán, tam muội Thủ Lăng Nghiêm. Về Tán Thiện như trong kinh Vô Lượng Thọ nói: “Dùng mười niệm, niệm Phật cũng được vãng sanh”. Về Phật Lực là do đại bi nguyện lực của đức A Di Đà nhiếp thọ, những chúng sanh niệm Phật nương nhờ đây mà được vãng sanh. Ví như kẻ dung phu nương theo vua Chuyển Luân, trong một ngày đêm có thể đi khắp bốn châu thiên hạ, đó không phải là do sức mình, chính nhờ năng lực của Luân Vương. Về pháp lực là như Phật bảo Liên Hoa Minh Vương Bồ Tát dùng thần chú quán đảnh gia trì trong đất cát rải nơi thây hoặc mộ phần người chết, khiến cho vong giả tuy bị đọa nơi Địa Ngục, Ngạ Quỷ, Súc Sanh, nhưng nương nhờ chân ngôn này được về Cực Lạc. Về sự tu phước hồi hướng như người giữ tâm từ bi không giết hại, thọ trì các giới, đọc tụng Mật chú, các kinh điển Đại Thừa, cùng tu những phước lành, hồi hướng trang nghiêm thành ra nhân Tịnh Độ. Về việc khi lâm chung sợ hãi cầu cứu, là người lúc sắp chết, tướng hỏa xa hiện, xưng hiệu Phật, lửa dữ hóa ra thành gió mát, như trường hợp của Hùng Tuấn, Trương Thiện Hòa được vãng sanh vậy.

---o0o---

Ưu Đàm Đại Sư

(Đại sư húy là Phổ Độ, họ Tưởng, người xứ Đơn Dương, xuất gia ở chùa Đông Lâm núi Lô Sơn, chuyên tu Tịnh Độ. Đời nhà Nguyên, niên hiệu Đại Chí năm đầu, đảng Bạch Liên giáo thạnh hành khiến cho tà chánh chẳng phân, vua ra lịnh bãi bỏ Liên Tông. Đại sư nói: "Ta tu Tịnh Độ gần 30 năm,

đâu nên để cho pháp môn này bị diệt tuyệt trong đời ta ư?” Ngài bèn viết ra mười quyển Liên Tông Bảo Giám, thỉnh các phương đại đức chứng minh, không ai có thể sửa một chữ. Đoạn, ngài đêm dâng lên cho vua duyệt lãm, được ban khen và cho khắc bản lưu hành trong đời. Vua lại ân tứ cho ngài hiệu là Hổ Khê Tôn Giả, dạy làm giáo chủ Liên Tông. Khi lâm chung, ngài niệm Phật mà hóa).

*Đại Sư dạy: - Người tu tịnh nghiệp, nếu trần cấu chưa sạch, khi niệm ác nổi lên, phải cao tiếng niệm Phật nhiếp vào chánh niệm, chớ nên tâm ác nối nhau. Nên biết rằng sự tu hành hôm nay, chính là đối địch với nghiệp sanh tử, không phải chuyện tầm thường; hằng nghĩ đến vô thường mau chóng, ngày tháng chẳng chờ người, nhận chơn thiệt thật mà niệm Phật. Nếu nửa lui, nửa tới, lúc tin, lúc ngờ, kết cuộc tịnh nghiệp không thành tựu, làm sao ra khỏi luân hồi?

* Giữ một câu hiệu Phật như dựa vào hòn núi Tu Di, lay chuyển chẳng động, thường nhớ thường niệm, mai cũng niệm, chiều cũng niệm, đi cũng niệm, ngồi cũng niệm, tâm niệm không bỏ qua, hiệu Phật chẳng rời lòng, mỗi thời mỗi khắc chẳng xa lìa, nhặt nhặt, niệm niệm, như gà ấp trứng thường cho hơi ấm tiếp tục, tức gọi là "tịnh niệm nối nhau".

* Muốn sanh về Tịnh Độ nên nghĩ tất cả việc đời đều vô thường, có thành tất có hoại, có sống ắt có chết, nếu ta không được nghe Phật pháp thì phải chịu thay thân này, đổi thân khác, trôi lăn trong ba cõi sáu đường, không biết lúc nào ra khỏi. Nay ta đã có duyên được nghe chánh pháp, được tu tịnh gnhiệp, nếu chuyên niệm Phật thì khi bỏ thân này sẽ vào thai sen nơi cõi Phật, hưởng các điều vui, thoát hẳn sự khổ, đi ngay đến nẻo Bồ Đề, ấy là chí sự thuở sanh bình của bậc đại trượng phu vậy.

* Khi vừa đau bịnh, phải mạnh mẽ gạt bỏ muôn duyên, ngồi ngay thẳng hướng về Tây, tưởng đức A Di Đà, Quán Âm, Thế Chí và các hóa Phật đều hiện ở trước mình, chuyên lòng xưng danh hiệu Phật, mỗi tiếng nối nhau không dứt. Lúc ấy không nên nghĩ ngợi việc đời, nếu thoạt tưởng đến, mau mau xưng danh hiệu Phật, trong mỗi niệm diệt được tội chướng, chỉ một niệm này quyết định được vãng sanh, nếu mạng số chưa dứt, tự được lành mạnh. Nên cẩn thận chớ vọng khởi lòng tham luyến thế gian, thân này có còn thì còn, có mất thì mất, chỉ cầu được vãng sanh, không nghi ngờ lo nghĩ điều chi khác. Nên hiểu dù có chết đi nữa, như người cởi bỏ áo rách mặc y phục lành tốt vào, xả thân phàm lên cõi Phật chẳng là vui thích hơn ư?

* Chuyên nhất tâm ý, nắm giữ một câu A Di Đà Phật, chỉ một niệm này là bổn sư của ta, chỉ một niệm này trước là hóa Phật, chỉ một niệm này là mãnh tướng phá địa ngục, chỉ một niệm này là gươm báu chém bầy tà, chỉ một niệm này là ngọn đuốc sáng phá cảnh tối tăm, chỉ một niệm này là con thuyền lớn vượt qua biển khổ, chỉ một niệm này là thuốc hay trị bịnh sanh tử, chỉ một niệm này là đường tắt ra khỏi tam giới, chỉ một niệm này là bản tánh Di Đà, chỉ một niệm này là duy tâm Tịnh Độ. Chỉ cần giữ chắc câu niệm Phật đây chớ cho lạc mất, mỗi niệm thường hiện tiền, mỗi niệm chẳng rời tâm, không việc cũng niệm như thế, có việc cũng niệm như thế, an vui cũng niệm như thế, bịnh khổ cũng niệm như thế, sống cũng niệm như thế, chết cũng niệm như thế. Cứ giữ một niệm phân minh như thế, lại cần chi hỏi người tìm đường về ư?

---o0o---

Thiên Như Đại Sư

(Ngài họ Đàm, hiệu Duy Tắc, người ở Vĩnh Hưng, đắc pháp với Trung Phong Minh Bản thiền sư. Niên hiệu Chí Chánh năm đầu, Đại Sư trụ ở chùa Sư Tử Lâm nơi thành Tô Châu. Các bậc tể quan, trưởng giả trong thời ấy, phần nhiều đến tham học với ngài. Vua thường xuống chiếu vời hỏi, ngài đều lấy duyên cớ bịnh cáo từ. Đại sư đã mật khế tông Thiền lại kiêm hoằng dương giáo pháp Tịnh Độ, từng viết ra quyển "Tịnh Độ Hoặc Vấn" phá các điều nghi, khuyên người niệm Phật cầu sanh Tây Phương. Ngài tu hành rất tinh tấn, nhập diệt vào năm Hồng Võ nguơn niên đời nhà Minh, khi tịch điềm lành rất nhiều, thọ 71 tuổi).

* Có kẻ hỏi: - Phương tu viên quán, pháp niệm duy tâm, dường như là hành môn của bậc thượng căn. Còn mười nguyện trong kinh Hoa Nghiêm, mười tâm trong kinh Bảo Tích, cũng là công dụng của bậc đại trí. Trên đường tu, nếu căn cơ cùng giáo pháp không hợp, e cho công hạnh khó thành. Nay tôi xét lại căn tánh mình, chỉ nên chuyên trì danh hiệu, thêm lễ Phật sám hối mà thôi, chẳng hay tôn ý thế nào?

Đại sư đáp: - Tốt lắm! Người biết tự lượng đó! Lời ngươi nói hợp với thuyết Chuyên Tu Vô Gián của ngài Thiện Đạo. Vô Gián Tu là thân chuyên lễ Phật A Di Đà không lễ tạp, miệng chuyên xưng hiệu A Di Đà không xưng tạp, ý chuyên tưởng Phật A Di Đà không tưởng tạp.

* Niệm Phật, hoặc duyên tưởng 32 tướng, buộc tâm cho định khi mắt mở nhắm đều thấy Phật. Hoặc có kẻ chuyên xưng danh hiệu, giữ không tán loạn,

trong hiện đời cũng được thấy. Trong hai điều trên đây, muốn được thấy Phật, phần nhiều pháp xưng danh hiệu là hơn. Pháp xưng danh, cần phải buộc lòng đừng cho tán loạn, mỗi niệm nối nhau duyên theo hiệu Phật, từng câu, từng chữ rõ ràng. Lại xưng danh hiệu Phật, chớ quản nhiều ít, một tâm một ý, niệm niệm nối nhau. Như thế mới diệt được tội nặng sanh tử trong tám mươi ức kiếp, nếu chẳng vậy, rất khó tiêu tội.

* Có kẻ hỏi: - Một đời tàn ác, khi lâm chung dùng mười niệm cũng được vãng sanh. Vậy thì bây giờ tôi buông theo duyên đời đợi lúc sắp chết sẽ niệm Phật, có được chăng?

* Đại sư đáp: - Khổ thay! Lời này đã hại chính mình, lại hại cho hàng tăng, tục, nam, nữ trong đời nữa! Phải biết kẻ phàm phu nghịch ác khi lâm chung niệm Phật được là do kiếp trước có căn lành, khiến cho gặp bậc thiện tri thức chỉ bảo mà được sự may mắn trong muôn một ấy. Luận Quần Nghi nói: "Có mười hạng khi lâm chung không niệm Phật được: 1) Khó gặp bạn lành, nên không người khuyên niệm. 2) Bịnh khổ buộc thân, không rỗi rảnh để niệm Phật. 3) Trúng phong cứng họng, nói không ra tiếng. 4) Cuồng loạn mất sự sáng suốt. 5)Thình lình gặp tai nạn nước lửa. 6) Thoạt bị hùm sói ăn thịt. 7) Bị bạn ác phá hoại lòng tin. 8) Hôn mê mà chết. 9)Thoạt chết giữa quân trận. 10) Từ nơi chỗ cao té xuống". Những việc trên đây ở trong đời thường có, đó là do túc nghiệp hoặc hiện nghiệp chiêu cảm, bỗng nhiên xảy ra, không kịp trốn tránh. Khi gặp một việc không may, bất cập, trong mười việc trên đây, thì làm sao niệm Phật được? Giả sử không bị những ác duyên như trên, thọ bịnh sơ sài mà qua đời, e cho lâm chung, khi thân tứ đại sắp ly tán, bị sự đau đớn dường như dao cắt, như con cua bị rớt vào nước sôi trong lúc thống khổ bức bách, bối rối kinh hoàng ấy, đâu có rỗi rảnh để niệm Phật? Giả sử không bị bịnh mạng chung, lại e duyên đời chưa dứt, niệm tục khó quên, tham sống sợ chết, tấm lòng rối loạn không yên. Thêm vào đó, việc nhà chưa phân minh, chuyện sau chưa sắp đặt, vợ con khóc lóc kêu gọi, trăm mối lo sợ, thương sầu, như thế làm sao niệm Phật được? Giả sử lúc chưa chết, thì lại bịnh khổ, đau đớn rên la, tìm thuốc tìm thầy, lo việc khẩn cầu cúng tế, tạp niệm rối ren, vị tất đã niệm Phật được? Giả sử trước khi chưa bịnh, thì lại bi sự già khổ, suy lờ, lụm khụm, buồn rầu, ảo não, e cho lo những việc cái thân già yếu chưa xong, đâu rỗi để niệm Phật. Giả sử trước khi chưa già, còn đang trẻ trung khỏe mạnh, hoặc như tâm cao vọng chưa dứt, việc thế tục còn buộc ràng, rong ruổi đông tây, suy thế này tính thế khác, nghiệp thức mơ màng, cũng không niệm Phật được! Giả sử kẻ được an nhàn thong thả, có chí tu hành, nhưng nếu không nhìn thấu cảnh đời là giả mộng, thân tuy được yên, tâm còn bấn loạn, không thể buông bỏ muôn duyên, khi gặp việc đến,

không thể tự chủ, theo cảnh mà điên đảo, cũng không niệm Phật được! Ngươi thử xét lại, đừng nói già bịnh, trong lúc còn trẻ trung nhàn nhã, nếu có một việc đeo đẳng nơi lòng, còn không niệm Phật được thay, huống chi là đợi đến lâm chung? Vậy muốn cho khi sắp chết được chánh niệm vãng sanh, thì ngay bây giờ phải xét rõ việc đời là huyễn mộng, tùy duyên an phận qua ngày, không còn tham luyến, được rỗi rảnh lúc nào thì niệm Phật lúc ấy, đừng hẹn chờ lần lựa, hoặc để hư phí thời giờ. Như thế thì tư lương ta đã dự bị xong, lúc ra đi mới không điều chi chướng ngại.

---o0o---

Diệu Hiệp Đại Sư

(Đại sư người ở Tứ Minh, thường nghiên cứu Thiên Thai Giáo Quán và tu phép Niệm Phật Tam Muội. Thời bấy giờ, các nhà học Phật thường nhận lầm thuyết "duy tâm tự tánh"; với cõi Cực Lạc, không cầu ở Tây, mà tìm nơi thức tâm phân biệt, Đại Sư thương xót cho cảnh nhân thuốc mà thành bịnh ấy, soạn ra hai quyển "Bảo Vương Tam Muội, Niệm Phật Trực Chỉ". Nhân đó, các nhà tu Thiền, Tịnh sai lầm mới nhận được bờ bến. Lúc ấy thuộc vào khoảng đời Hồng Võ nhà Minh năm thứ 28. Hai trăm năm sau, Liên Trì Đại Sư mến bộ sách ấy, vì bị thất truyền, nên tìm mãi không gặp. Về sau Vạn Dung thiền sư ngẫu nhiên được thấy, mới đem truyền bá ra. Ngẫu Ích Đại Sư đã góp bộ này vào pho "Tịnh Độ Thập Yếu").

*Đại sư dạy: - Hành giả phát tâm niệm Phật, trước khi vào đạo tràng phải xét nghĩ ta với chúng sanh thường ở trong biển khổ sanh tử, nếu không độ cho tất cả đều được thoát ly, sao gọi là chánh hạnh? Nhân đó, xem người oán kẻ thân đều bình đẳng, khởi lòng đại bi, như thế quyết không bị tệ ma, ác đảng làm cho thối chuyển. Sau khi đã lập đại tâm, nên nghiên cứu những chánh hạnh niệm Phật của người xưa, lập đạo tràng đúng pháp, khiến cho hết sức trang nghiêm thanh tịnh. Kế đó, phân ngày đêm sáu thời, đem tâm chí thành gieo mình quy mạng ngôi Tam bảo, tỏ bày hết tội lỗi, cầu xin sám hối. Lại quỳ trước Phật, tay cầm hương hoa cúng dường, vận tâm quán tưởng khắp pháp giới, xét mình cùng tất cả chúng sanh từ trước đến nay ở trong vòng mê khổ, rơi lệ cảm thương, cầu Phật gia bị, nguyện độ muôn loài. Như thế, dùng hết sức mình kham khổ tu hành, nếu nghiệp chướng sâu, chưa được cảm cách, phải lấy cái chết làm kỳ hạn, không được giây phút nào nghĩ đến sự vui ngũ dục của thế gian. Như kẻ căn cơ non kém, không làm được thắng hạnh trên đây thì cũng ở trong tịnh thất, giữ cho thân tâm nghiêm sạch, tùy ý tu hành. Hoặc định thời lễ Phật sám hối, nguyện tinh tấn không thối chuyển,

hoặc chuyên niệm hoặc kiêm trì chú, tụng kinh. Nếu được thấy tướng hảo, thì biết mình được diệt tội, có duyên lành.

* Hỏi: Dụng tâm thế nào mà được không tán loạn? Đáp: Nên vận dụng thân miệng mà niệm, không kể đến tánh hay định, chỉ làm sao cho câu Phật không hở dứt, tự sẽ được nhất tâm, hoặc cũng có thể gọi chính đó là "nhất tâm". Nhưng phải niệm mãi không thôi, trạng như mẹ lạc con thơ, rồng mất trái châu bổn mạng, thì không còn lo chi tán loạn, không cầu nhất tâm mà tự được nhất tâm. Chẳng nên cưỡng ép cho tâm quy nhất, vì dù cưỡng ép cũng không thể được, thật ra chỉ do người tu siêng săng hay biếng trễ mà thôi! Nghĩ thương cho người đời nay, phần nhiều tu hành mà không hiệu nghiệm, ấy cũng bởi lòng tin cạn cợt, nhân hạnh không chơn. Lắm kẻ chưa từng lập hạnh, đã muốn cho người biết trước, trong thì tự phụ, ngoài lại khoe khoang, tỏ ý có chỗ sở đắc để được moi người cung kính. Thậm chí có kẻ nói dối là mình trông thấy tịnh cảnh, hoặc thấy được cảnh giới nhỏ, hay những tướng tốt trong giấc chiêm bao. Thật ra chính họ cũng không phân biệt cảnh đó là chơn hay vọng, nhưng cũng cứ khoe khoang bừa ra. Những kẻ tâm hạnh kém ấy, tất là bị ma làm mê hoặc, nguyện hạnh lần lần lui sụt, trôi theo dòng sanh tử luân hồi. Như thế, há chẳng nên dè dặt ư?

* Người tu hành, đối với một tội dù nhỏ, cũng phải đem lòng kiêng sợ, sự hiểu nên theo hàng Đại thừa, việc làm phải bắt chước kẻ sơ học.

* Người tu hành nếu bị túc nghiệp ngăn che, khiến cho nghiệp hạnh lui kém, phải nhất tâm trì tụng chú Vãng Sanh. Chú này gọi là môn đà la ni nhổ trừ tất cả cội gốc nghiệp chướng, tụng một biến, tiêu diệt hết tội ngũ nghịch thập ác trong thân, tụng mười muôn biến, được không quên mất Bồ Đề tâm, tụng hai mươi muôn biến, liền cảm sanh mầm mộng Bồ Đề, tụng ba mươi muôn biến, Phật A Di Đà thường trụ trên đảnh, quyết định sanh về Tịnh Độ.

---o0o---

Không Cốc Đại Sư

(Đại sư họ Trần tên Cảnh Long, người ở Ngô Huyện. Thuở còn bé ngài đã ăn chay, ưa ngồi ngay thẳng nhắm mắt, dường như người tu thiền định. Sau ngài theo Lại Vân Hòa Thượng học về đại pháp; đến 28 tuổi xuất gia ở Hổ Khâu. Kế đó, Đại Sư vào núi Thiên Mục, kham khổ tham cứu, một hôm bỗng nhiên tỉnh ngộ đến cầu chứng nơi ngài Lại Vân, được ấn khả, Đại Sư tuy ngộ được tâm tông, song việc tự tu, khuyên người đều theo Tịnh Độ. Ngài từng làm 108 bài thi Tịnh Độ lưu hành ở đời. Ngài lại xây cho mình cái

cốt tháp ở Tiền Đường tự làm lời minh, thường ở trong đó tu hành cho đến khi viên tịch)

* Đại Sư nói: - Một môn Niệm Phật là đường lối tu hành thẳng tắt. Hành giả phải xét rõ thân này giả dối, việc thế như chiêm bao, duy cõi Tịnh là đáng nương về, câu niệm Phật là có thể nhờ cậy. Rồi tùy phận mà niệm hoặc mau hoặc chậm, hoặc tiếng thấp, tiếng cao, đều không câu ngại. Chỉ nên để cho thân tâm nhàn đạm, thầm nhớ chẳng quên, khi huỡn, gấp, động, tịnh, vẫn một niệm không khác. Niệm như thế, ngày kia xúc cảnh chạm duyên, bỗng nhiên tỉnh ngộ. Chừng ấy mới biết cõi Tịch Quang Tịnh Độ không rời nơi đây, Phật A Di Đà chẳng ngoài tâm mình. Nếu lập tâm muốn cầu tỏ ngộ thì trở lại thành chướng ngại, nên chỉ lấy lòng tin làm căn bản, chẳng tùy theo tạp niệm mà thôi. Hành trì như thế, dù không tỏ ngộ, khi chết cũng được sanh về Tây Phương, theo giai cấp mà tiến tu, không còn lo thối chuyển.

* Kinh Đại Tập nói: "Niệm Phật lớn tiếng có mười công đức: 1) Đánh tan hôn trầm mê ngủ. 2) Thiên ma kinh sợ. 3) Tiếng vang khắp mười phương. 4) Ba đường ác được dứt khổ. 5) Tiếng bên ngoài không xâm nhập. 6) Niệm tâm không tán loạn. 7) Mạnh mẽ tinh tấn. 8) Chư Phật vui mừng. 9) Tam muội hiện tiền. 10) Vãng sanh về Tịnh Độ".

---o0o---

Tông Bổn Đại Sư

(Đại Sư họ Trần, hiệu Nhất Nguyên, quê quán ở Tứ Minh, thuở bé học Nho, thông về thi lễ. Năm 15 tuổi, mục kích cái chết của anh họ là Hủ Mộc xử sĩ, ngài thường lo nghĩ buồn sợ, muốn xuất gia học đạo để thoát sự sống chết luân hồi. Sau nhân đi lễ Phật ở Trà Đình tại Hàng Châu, ngài gặp một vị Thiền sư, bèn thỉnh về nhà cúng dường đảnh lễ thưa hỏi phương pháp tu hành. Thiền sư khen ngợi, khai thị cho môn Niệm Phật. Khi ngài đã xuất gia, liền hết sức tham cứu, ngộ được chân tâm, trở lại chuyên tu Tịnh Độ. Trong niên hiệu Long Khánh, Đại Sư viết ra bộ Qui Nguơn trực chỉ, hoằng dương Liên Tông. Ông Lý Trác Ngô thường ca ngợi hạnh đức của Ngài. Về sau, Đại Sư ở ẩn, không rõ được ngày chung kết ra thế nào?)

* Đại Sư nói: - Niệm Phật không luận là hạng người nào, nếu nghĩ mình thuở bình sanh có nhiều điều ác mà tự bỏ không chịu tu hành là sai lầm! Niệm Phật không quản là thời gian nào, nếu cho rằng mình đã già sắp chết mà không chịu tu hành, là sai lầm! Niệm Phật bất câu là phương pháp nào, nếu lập ra một quy củ nhất định, bắt mọi người đều tuân theo, khiến cho sự

tu hành của họ bị chướng ngại, là sai lầm. Nên biết pháp môn Tịnh Độ chẳng lựa trí, ngu, sang, hèn, nghèo, giàu, chẳng phân nam, nữ, già, trẻ, tăng, tục, chẳng luận kẻ huân tập đã lâu hay mới tu hành, đều có thể niệm Phật. Hoặc niệm lớn, niệm nhỏ, niệm ra tiếng, niệm thầm, đảnh lễ mà niệm, tham cứu mà niệm, nhiếp tâm mà niệm, quán tưởng mà niệm, lần chuỗi mà niệm, giữ hiệu Phật liên tục không dứt như dòng nước chảy mà niệm, cho đến đi niệm, đứng niệm, ngồi niệm, nằm niệm, ngàn muôn niệm đều về một niệm. Niệm theo cách nào cũng được, chỉ cần yếu là giữ cho lâu bền đừng lui sụt, và phát lòng tin quyết định, cầu sanh Tây Phương. Nếu quả hành trì được như thế, cần chi tìm bậc trí thức hỏi đường?

Cho nên tu Tịnh Độ có nhiều phương pháp, kết quả ra sao là do chỗ xu hướng của tâm nguyện. Có thể gọi: "Đi thuyền cốt bởi người cầm lái. Hiểu được đồng về cõi Tịnh Liên!"

---o0o---

Tử Bá Đại Sư

(Đại sư họ Trầm, người đất Cư Khúc, sau khi xuất gia kiêm tu Thiền Tịnh, đều đi sâu vào chỗ nhiệm mầu. Khi ngài đến Kinh Đô, vua Thần Tông rất trọng, nhân đó ngài tâu xin đem kinh bản in ra thành sách. Đại Sư tánh tình cang nghị, hết lòng nâng đỡ chánh pháp nên bị kẻ gian ganh ghét. Không bao lâu, có người dâng biểu vu cáo, khi được dời đến hạch hỏi, ngài dùng lẽ chánh phân biện, thần sắc tự nhiên, nhưng rồi cũng bị giam vào ngục. Quan pháp ty lại nhận của hối lộ muốn làm hại, Đại Sư bảo: "Đã như thế, cần chi ông ra tay"! Nói đoạn, ngài bảo đem nước tắm rửa, thuyết kệ, rồi ngồi ngay mà hóa. Thuở sanh bình, Đại Sư chỉ dạy pháp môn Tịnh Độ rất tha thiết, bảo rằng: "Khi lâm chung được chánh niệm, toàn nhờ lúc thường nhật dụng công phu sâu". Xem Đại Sư sống chết tự do, thì sự tu hành lúc bình thời của ngài có thể suy mà biết được vậy).

* Đại Sư nói: - Người niệm Phật, tâm chân thiết cùng không, có thể xét nghiệm trong lúc vui mừng hay phiền não, căn cứ nơi đây, tâm chơn giả hiện ra rõ ràng, có thể suy ra mà biết được. Đại để như người chân tâm niệm Phật, dù ở cảnh phiền não hay vui mừng, cũng giữ câu niệm Phật không gián đoạn, cho nên những cảnh ấy không làm lay động họ được. Hai điều trên đã không làm lay động, thì đối với cảnh sống chết, họ vẫn tự nhiên không sợ hãi. Người niệm Phật đời nay, hơi có chút chi mừng giận, thì gác bỏ câu niệm Phật ra sau. Như thế làm sao mà niệm Phật được linh nghiệm? Nên y theo lời ta mà niệm Phật, dù ở cảnh thương ghét cũng đừng quên một câu A

Di Đà. Nếu giữ đúng như thế mà lúc hiện tiền không được sự công dụng tự tại, khi lâm chung không được vãng sanh Tây Phương, thì cuống lưỡi của ta phải chịu tan nát. Như làm không đúng lời ta, thì niệm Phật không linh nghiệm lỗi ở nơi ngươi, với ta không can hệ gì!

* Lại hỏi kẻ học giả là Hải Châu rằng: "Ngươi niệm Phật có gián đọan chăng?" Thưa: "Bình thường tôi đều niệm được, duy có lúc nhắm mắt ngủ là quên". Đại sư tác sắc, quở: "Lúc nhắm mắt ngủ liền quên niệm Phật như thế là một muôn năm cũng không thành hiệu! Từ đây về sau, trong lúc ngủ nghỉ chiêm bao, ngươi phải giữ cho câu niệm Phật không gián đoạn, mới có phần thoát khổ. Nếu trong giấc ngủ thoạt có quên niệm, khi thức dậy phải thống khóc, đến trước bàn Phật cúi đầu sám hối, rồi quỳ niệm Phật một ngàn hay một muôn câu, dùng hết sức mình thì thôi. Làm như thế vài ba phen, dù trong lúc ngủ mê, câu niệm Phật vẫn hiện ra không gián đoạn!"

Lời Phụ: Trong khi thức đều niệm được, duy có lúc ngủ là quên, làm được như ngài Hải Châu thật rất hy hữu! Đại sư quở như thế, là tùy theo người trình độ cao mà sách tấn thêm một bước, để cho hành giả mau được nhất tâm, chớ không phải thật ý bài bác. Người mới tu đừng chấp theo đây mà nghi ngờ, lui sụt.

---o0o---

Liên Trì Đại Sư

(Đại Sư là vị tổ thứ tám trong Liên Tông, húy Châu Hoằng, họ Trầm, người ở đất Nhân Hòa. Lúc ban sơ, ngài nương theo Tánh Thiên Hòa Thượng xuất gia, sau khi thọ Đại Giới, lại đi khắp nơi tham học với các bậc tri thức. Khi Đại Sư lễ thánh tích ở non Ngũ Đài, cảm đức Văn Thù phóng quang. Đi đến núi Vân Thê, thấy cảnh trí u tịch, ngài có ý muốn ở đó suốt đời. Dân chúng ở vùng núi ấy thường bị khổ vì nạn hổ, Đại Sư tụng kinh thí thực hổ đều lẩn tránh. Gặp năm trời hạn, ngài đi dọc theo bờ ruộng niệm Phật, gót chân đi đến đâu, mưa rơi đến đó. Từ ấy, người quy hướng càng ngày càng đông, Đại Sư đều dùng môn niệm Phật mà nhiếp hóa. Ngài có trứ tác pho Vân Thê Pháp Vựng, gồm hai mươi mấy thứ sách, đại khái đều đề xướng về Tịnh Độ. Trước khi lâm chung, Đại Sư từ giã khắp các đệ tử và hàng cố cựu, khuyên chân thật niệm Phật. Đến kỳ hạn, ngài ngồi niệm Phật mà hóa, thọ 81 tuổi).

* Đại sư nói: -Niệm Phật có mặc trì, cao thinh trì, kim cang trì. Nhưng niệm thầm (mặc trì) thì dễ hôn trầm, niệm lớn tiếng (cao thinh trì) cảm thấy phí sức, duy dùng pháp kim cang trì, se sẽ động môi lưỡi mà niệm, là có thể bền

lâu. Nhưng cũng không nên chấp định, hoặc khi niệm theo lối kim cang trì thấy phí sức, thì không ngại gì mặc trì, nếu hôn trầm lại đổi dùng phép cao thinh.

* Tâm hôn loạn đã lâu, không thể một lúc mà an định được, cho nên người niệm Phật nếu tâm không thanh tịnh đừng quá vội lo, chỉ cần khi niệm mỗi chữ, mỗi câu đều do nơi tâm phát ra, dụng công bền lâu, tự có hiệu quả.

* Tạp niệm là bịnh, niệm Phật là thuốc, niệm Phật chính để trị tạp niệm, mà không thấy hiệu quả, là do dụng công chưa được chơn thiết. Cho nên khi tạp niệm nổi lên, phải chuyên lòng gia công niệm, mỗi chữ mỗi câu tinh nhất không xao lãng, thì tạp niệm tự dứt.

* Trong lúc muôn niệm rối ren, chính là thời khắc dụng công phu, mỗi khi tán loạn liền mau thâu nhiếp lại; cứ như thế mãi, lâu ngày công phu thuần thục, tự nhiên vọng niệm không sanh. Vả lại, người biết được vọng niệm nhiều là do nhờ niệm Phật; lúc không niệm, vọng tâm như sóng nổi nước trào không giây phút nào dừng nghỉ, khi ấy đâu có tự biết được ư?

* Người học Phật, đừng quá theo hình thức bên ngoài, chỉ quý tu hành chân thật. Hàng cư sĩ tại gia không cần phải cạo tóc mặc đồ dà, tự có thể để tóc, mặc áo tràng mà niệm Phật. Người ưa thích thanh vắng, không cần phải đánh chuông, đánh mõ, tự có thể yên lặng mà niệm Phật. Người sợ công việc phiền phức, không cần kết bè lập hội, tự có thể đóng cửa mà niệm Phật. Người biết chữ không nhất định phải vào chùa nghe kinh, tự có thể xem kinh y theo lời dạy trong ấy mà niệm Phật. Trải qua ngàn dặm đi hành hương ở các danh sơn, không bằng ngồi yên nơi nhà mà niệm Phật. Cúng dường những vị sư không chân chánh, không bằng hiếu thuận cha mẹ mà niệm Phật. Giao du với nhiều bạn bè kém đạo đức, không bằng kẻ dốt nát chuyên niệm Phật. Hạnh thấp mà vọng nói đạo lý cao sâu, không bằng kẻ chất phác giữ giới niệm Phật. Tánh háo kỳ, ưa cầu sự linh thông của ma quỷ, không bằng chánh tín nhân quả mà niệm Phật. Nói tóm lại, người niệm Phật giữ lòng ngay, dứt hạnh ác, gọi là thiện nhân. Người niệm Phật tỏ tâm tánh, dứt hoặc nghiệp, gọi là thánh nhân.

* Xin khuyên những người rất thanh nhàn, việc gia đình con cái đã lo xong, dưới trên rỗi rảnh, nên đem hết tâm lực mà niệm Phật, mỗi ngày từ số ngàn đến muôn câu. Xin khuyên những người duyên đời bận buộc quá nhiều, nhọc nhằn vì việc công, bôn ba vì gia sự, tuy ít khi rỗi rảnh nhưng mỗi buổi

sớm mai cố gắng nhín chút thời giờ, niệm Phật chừng mười hơi. Ngoài ra lúc nào rảnh, niệm xen vào trăm câu.

* Lúc ta còn đi tham phương học đạo, nghe Biện Dung thiền sư tông phong rất thạnh, bèn đến nơi cầu pháp, đôi ba phen quỳ lạy thưa hỏi, Thiền Sư bảo: "Ngươi nên giữ bổn phận, không nên tham cầu danh lợi, đừng chạy theo duyên ngoài, chỉ cần phân minh lý nhân quả, một lòng chuyên niệm Phật mà thôi". Ta liền lãnh giáo lui ra. Bấy giờ các bạn đồng hành đều cả cười, bảo: "Từ ngàn dặm đến đây, chỉ mong được nghe những lời cao siêu thâm diệu, té ra chỉ lãnh mấy câu không đáng nửa đồng tiền! Giá mấy câu ấy, ai nói không được!" Ta đáp: "Đó mới là chỗ tốt của thiền sư. Chúng ta khát ngưỡng mong mến từ ngàn dặm đến đây, ngài không nói lời chi huyền diệu để lấn lướt kẻ dưới, chỉ chất phác, thật thà, đem chỗ công phu thiết cận song tinh yếu, chính mình đã thể nhận, mà khuyên bảo dặn dò. Cái hay của ngài chính ở nơi đó". Đến nay ta vẫn còn tuân giữ mấy lời ấy, không dám quên lãng.

Lời phụ: "Giữ bổn phận, không tham danh lợi, không theo duyên ngoài, rõ lý nhân quả, chuyên niệm Phật.". Lời này xem như cạn cợt tầm thường, xong thật rất cao sâu, mầu nhiệm, tuy là giản dị, song bao quát kinh nghĩa, gom thành chỗ tinh yếu của một đời tu. Giữ đúng theo đây, xét kỹ lại, đã có mấy ai làm được? Cho nên kẻ nông cạn tất xem thường lời nói này; người ưa nói lý huyền, xem mình là cao siêu vô ngại, quyết không làm đúng được như lời này. Nếu chẳng phải bậc đã từng kinh nghiệm như ngài Biện Dung không thể thốt ra được lời này; và nếu chẳng phải bậc chân tu như ngài Liên Trì cũng không thể lãnh thọ được lời này.

---o0o---

Hám Sơn Đại Sư

(Ngài tự là Đức Thanh, họ Thái người đất Kim Lăng. Xuất gia từ lúc 19 tuổi, ngài chuyên tâm niệm Phật. Có một đêm, Đại Sư nằm mơ thấy A Di Đà hiện thân giữa hư không. Từ đó về sau, ngài thấy tượng Phật dường như phảng phất trước mặt. Đại Sư tham thiền gần mười năm, khi được tỏ ngộ liền vào ẩn trong núi Lao Sơn. Trước kia, dân chúng chung quanh vùng ấy chưa nghe chánh pháp, nhưng khi ngài về ở không bao lâu, trẻ thơ ba tuổi đều biết niệm Phật. Từ Thánh Thái Hậu nghe danh, xin quy y làm đệ tử và cúng dường rất hậu. Có kẻ ganh ghét gièm pha chuyện ấy, vua giận biếm truất Đại Sư đến miền Lôi Châu. Ở nơi đây, ngài lại trùng hưng đạo tràng Tào Khê. Sau vua xuống chiếu ân xá triệu về, Đại Sư bèn ở Lôi Sơn chuyên tu tịnh nghiệp. Rồi

ngài lại đến Tào Khê niệm Phật mà hóa, thọ 78 tuổi, nhục thân hiện nay vẫn còn).

* Đại Sư dạy: - Điều cần yếu nhất trong sự tu hành là tâm tha thiết về việc luân hồi sanh tử. Tâm sanh-tử không thiết tha, làm sao dám gọi là niệm Phật thành một khối? Nếu người quả vì sự luân hồi mà tha thiết, thì mỗi niệm như cứu lửa cháy đầu, chỉ e mất thân người, muôn kiếp khó được. Lúc ấy quyết giữ chắc câu niệm Phật, quyết đánh lui vọng tưởng, trong tất cả thời tất cả chỗ, hiệu Phật thường hiện tiền, không bị vọng tình ngăn che lôi kéo. Dùng công phu khổ thiết như thế, lâu ngày niệm sẽ thuần thục, tâm được tương ưng, tuy không hy cầu mà niệm lực tự nhiên sẽ thành một khối.

* Ngày đêm sáu thời, chỉ đem một câu niệm Phật trấn định nơi lòng, mỗi niệm không quên, mỗi tâm không muội. Khi ấy gác bỏ tất cả niệm đời, xem câu niệm Phật dường như tánh mạng của mình, cắn răng giữ chặt, quyết không buông bỏ. Cho đến lúc đi đứng ngồi nằm, uống ăn làm việc, câu niệm Phật đây vẫn thường hiển hiện. Nếu gặp cảnh duyên phiền não, tâm không yên, chỉ nên chuyên niệm Phật, phiền não liền tự tan mất. Bởi phiền não là cội gốc luân hồi, niệm Phật là thuyền vượt qua biển khổ sanh tử, muốn thoát sanh tử chỉ đem câu niệm Phật phá tan phiền não, đó là phương pháp đơn giản mà rất hay.

* Lập đạo tràng niệm Phật trong mười hai thời, không luận số người nhiều ít, chỉ chia ra thành ban, mỗi ban một thời, luân phiên nhau mà niệm. Như thế ngày đêm sáu thời, khi ban khác lên thay, thì ban này tuy lui mà song vẫn niệm thầm, hoặc lắng tai nghe tiếng Phật của bạn đương trì niệm. Giữ như thế thì tiếng Phật không dứt, vọng niệm không sanh, như người đi trong chỗ sâu tối, cứ kêu gọi nhau, tất không bị thất lạc. Và như thế thì động tịnh cũng như một, mình cùng người không khác. Phật A Di Đà thường hiển hiện, sự an điềm của đạo tràng không chi mầu nhiệm hơn đây.

---o0o---

Ngẫu Ích Đại Sư

(Đại Sư là vị tổ thứ 9 trong Liên Tông, họ Chung, hiệu Trí Húc, quê ở Ngô Huyện. Người cha trì chú Đại Bi mười năm, mộng thấy đức Quán Âm bồng con trao cho mà sanh ra ngài. Ban sơ ngài theo Nho Giáo, làm sách bài bác đạo Phật, đến khi đọc qua bộ Trúc Song Tùy Bút, liền đốt bản thảo sách mình. Năm 24 tuổi, ngài xuất gia, tập tham thiền, nhân bị bịnh nặng gần chết, mới chuyển ý tu tịnh nghiệp. Về sau ở ẩn nơi chùa Linh Phong, trứ

thuật rất nhiều. Khi lâm chung, ngài trối dặn thiêu hóa sắc thân, lấy tro xương hòa với bột làm hoàn thí cho chim cá, đặng kết duyên Tây Phương, rồi ngồi ngay mà tịch. Ba năm sau, hàng môn nhơn mở khám ra, thấy sắc diện Đại Sư như lúc sống, tóc mọc dài lấp cả tai không nỡ theo lời di chúc, xây nhục tháp thờ ở Linh Phong).

* Đại Sư dạy: - Pháp môn niệm Phật không chi kỳ lạ, chỉ tin sâu, nguyện hiết, gắng sức thật hành mà thôi. Điều cần yếu là tin cho thấu đáo, giữ cho bền lâu, một lòng chuyên niệm, mỗi ngày đêm hoặc mười muôn, ba muôn, hay năm muôn câu, lấy số quyết định không thiếu làm lệ. Hành trì như thế trọn một đời, thề không thay đổi, nếu không vãng sanh, thì chư Phật ba đời thành ra nói dối. Khi được vãng sanh, tất không còn bị thối chuyển, bao nhiêu pháp môn đều được hiện tiền. Rất kỵ tâm không thường hằng, nay vầy mai khác, thấy ai nói pháp chi huyền diệu liền xu hướng theo, thì không môn nào thành tựu. Đâu biết nếu một câu A Di Đà niệm được thuần thục, thì ba tạng, mười hai phần kinh, những giáo lý cực tắc đều ở trong đó; một ngàn bảy trăm công án, đường lối hướng thượng đều ở trong đó; ba ngàn oai nghi, tám muôn tế hạnh, ba tụ tịnh giới cũng ở trong đó.

* Người chơn niệm Phật buông cả thân tâm thế giới là đại bố thí, không còn khởi tâm tham giận mê là đại trì giới, không so đo phải quấy hơn thua là đại nhẫn nhục, không gián đoạn xen tạp là đại tinh tấn, không để vọng tưởng buông lung là đại thiền định, không bị đường lối khác làm mê hoặc là đại trí huệ. Thử tự nghiệm xét, nếu đối với thân tâm thế giới còn chưa buông bỏ, niệm tham giận mê vẫn còn hiện khởi, việc phải quấy hơn thua còn do nơi lòng, tâm vọng tưởng buông lung còn chưa trừ diệt, các đường lối khác còn làm mê hoặc ý chí, như thế không gọi là người chơn niệm Phật.

* Muốn được cảnh giới "một lòng không loạn", cũng chẳng có phương chước chi lạ. Lúc mới dụng công, cần phải lần chuỗi ghi số, mỗi ngày đêm định khóa là bao nhiêu câu đừng cho thiếu sót. Giữ đúng như thế, lâu ngày niệm lực sẽ thuần thục, thành ra cảnh "không niệm tự niệm", chừng ấy ghi số hay không cũng được. Nếu lúc ban sơ muốn vội nói lời cao siêu, muốn không trước tướng, muốn học viên dung tự tại thì niệm lực khó thành. Như thế là tin không sâu, hành trì không hết sức, dù cho ngươi có giảng được mười hai phần giáo, tỏ được một ngàn bảy trăm công án, đều là việc bên bờ sống chết luân hồi, khi lâm chung quyết định không dùng được.

* Niệm Phật có sự trì và lý trì. Sự trì là tin có Phật A Di Đà ở phương Tây, mà chưa hiểu lý tâm này làm Phật, chỉ quyết chí cầu sanh, niệm Phật như

con nhớ mẹ, không lúc nào tạm quên. Lý trì là tin Phật A Di Đà ở Tây Phương là tâm mình sẵn có đủ, là tâm mình tạo ra, đem hồng danh sẵn đủ, tạo ra của mình mà làm cảnh buộc tâm, khiến cho không tạm quên.

---o0o---

Triệt Lưu Đại Sư

(Đại Sư là vị tổ thứ mười trong Liên Tông, họ Tưởng, húy Hành Sách, người ở Nghi Nhơn. Ngài xuất gia năm 23 tuổi, chuyên tu tịnh nghiệp, thường trụ nơi chùa Tây Khê ở hàng Châu mở mang Tịnh Tông, sự hoằng hóa rất thạnh. Đại Sư có soạn ra mấy bộ: Liên Tạng Tập, Tịnh Độ Pháp Ngữ, lưu hành ở đời. Niên hiệu Khang Hy thứ 21, ngài thị tịch, thọ 55 tuổi, bấy giờ có người Tông Hoàng và con nhà họ Ngô chết một lượt, trải qua một ngày bỗng tỉnh dậy, đều nói y nhau: "Tôi bị minh ty bắt đem trói để dưới điện, bỗng thấy hào quang sáng rực khắp nơi; hương thơm, hoa báu đầy cả hư không. Minh Vương mọp xuống đất đưa một vị Đại Sư về Tây Phương, xem kỹ lại là Triệt Công. Tôi nhờ hào quang chiếu, liền được tha trở về”.)

* Đại Sư nói: - Phép trì danh quý ở một lòng không loạn, không xen tạp, chẳng phải niệm mau niệm nhiều là hơn. Chỉ nên trì niệm nhặt niệm nối nhau, không mau không chậm, khiến cho hiệu Phật rành rẽ rõ ràng nơi tâm. Khi ăn cơm mặc áo, đi đứng nằm ngồi, giữ một câu hồng danh nối liền chẳng dứt cũng như hơi thở, không tán loạn, cũng không hôn trầm. Trì danh như thế có thể gọi là một lòng tinh tấn trên phận sự vậy.

* Người tu tịnh nghiệp đời nay, trọn ngày niệm Phật, sám hối, phát nguyện, mà cõi Tây Phương vẫn xa, sự vãng sanh không đảm bảo ra sao? Ấy cũng bởi bề ngoài tuy lễ niệm, phát nguyện, mà trong tâm dây tình còn buộc chặt, gốc ái còn bám sâu đó! Vậy phải xem sự tình ái cõi Ta Bà là vô thường, giả dối, đồng như nhai sáp, dù ở trong cảnh huỡn, gấp, động, tịnh, vui, khổ, lo, mừng, cũng giữ chắc một câu hiệu Phật như dựa vào núi Tu Di, tất cả cảnh duyên đều không thể làm lay động. Nếu lúc nào tự cảm thấy mỏi mệt, biếng trễ, nghiệp hoặc hiện lên, phải một lòng phấn khởi mà niệm, như thanh trường kiếm chống trời, khiến cho quân ma phiền não trốn mất không còn, như lửa đỏ ở lò hồng đốt tan tình thức từ vô thỉ. Người nào giữ được như thế, tuy hiện đang ở cõi ngũ trược mà toàn thân đã ngồi nơi thế giới hoa sen, đợi chi Phật Di Đà đưa tay, đức Quán Âm dìu dắt, mới tin là mình vãng sanh ư?

Lời phụ: Trong Tịnh Độ thánh hiền lục, đề ngài Tỉnh Am là tổ thứ mười, nhưng sau Ấn Quang Đại Sư cùng các nhà tu Tịnh Độ thấy ngài Triệt Lưu thừa giới cao siêu, sự hoằng hóa rất thạnh, có công đức lớn với Liên Tông, mới tôn ngài lên làm tổ thứ mười, đổi ngài Tịnh Am thành Tổ thứ 11. Nhân tiện xin biện minh ra đây để giải thích mối nghi ngờ - Liên Du

---o0o---

Đạo Phái Đại Sư

(Ngài hiệu Vi Lâm, họ Đinh, người xứ An Nhơn, xuất gia năm 14 tuổi, từng đi giảng diễn khắp nơi. Sau Đại Sư đến Cổ Sơn, nương theo Vĩnh Giác Thiền Sư tham cứu ba năm không ngộ đạo. Ngài bèn từ giã, đi vân du qua vùng Lưỡng Triết rồi trở về Cổ Sơn tu hành. Một hôm nhân vén bức rèm lên mà đại ngộ. Năm Thuận Trị thứ 14 đời nhà Thanh, Đại Sư kế thừa ngài Vĩnh Giác, mở pháp môn độ chúng hơn 20 năm. Trong thiền lâm tôn tặng ngài là hàng Phật Pháp bậc nhất ở miền Đông Nam. Đại sư có soạn ra bộ Tịnh Độ Chỉ Quyết. Ngài thường nói: "Lão tăng chí ở tông Thiền, hạnh ở Tịnh Độ". Sau ngài ở ẩn, không biết lúc chung kết ra thế nào).

* Đại Sư dạy: - Khi niệm Phật, nơi tâm phải thường không rời hai chữ "tin, nhớ", nơi miệng không rời hai chữ "xưng, kỉnh". Bởi muốn về Tịnh Độ cần phải có lòng tin, ngàn người tin thì ngàn người sanh, muôn người tin thì muôn người về. Nếu tâm thường tin nhớ Phật, miệng thường xưng niệm Phật một cách thiết tha, cung kính, Phật tất cứu độ. Ấy mới gọi là tin sâu!

* Khi niệm Phật, cần phải mỗi chữ rõ ràng, mỗi câu nối nhau, bởi không rõ ràng tức là hôn trầm, không nối nhau tức là tán loạn. Hành trì như thế, một câu niệm Phật thường rành rõi nơi tâm, lâu ngày tự nhiên thành tựu pháp Niệm Phật Tam Muội.

---o0o---

Tỉnh Am Đại Sư

(Đại Sư là vị tổ thứ mười trong Liên Tông, họ Thời, tự Tư Tề, người xứ Thường Thục, Ngài xuất gia thuở bảy tuổi, thọ đại giới lúc 24 tuổi, đối với Thiền, Giáo, Tánh, Tướng đều suốt thông. Đại Sư từng ở chùa Chân Tịch, duyệt tạng kinh, niệm Phật. Qua ba năm, nguồn biện luận như thác đổ. Ngài lại đến chùa Dục Vương lễ tháp, cảm xá lợi phóng quang; nhân đó soạn ra sám Niết Bàn và Văn Khuyết Phát Bồ đề Tâm, người đọc phần nhiều rơi lệ.

Lúc tuổi già, Đại Sư về ở chùa Phạm Thiên tại Hàng Châu, kết liên xã để khuyên nhắc lẫn nhau chuyên tu Tịnh Nghiệp. Mùa đông năm Ung Chánh thứ 11, Đại Sư dự biết ngày 14 tháng tư năm sau mình sẽ vãng sanh. Đến kỳ hạn, ngài nói: "Mười hôm trước ta đã thấy Phật nay lại được thấy". Nói xong, niệm Phật mà quy Tây).

* Đại Sư nói: "Một chữ nguyện bao gồm cả tín và hạnh. Tín là tin: tự, tha, nhân, quả, sự, lý, không hư dối. Tín tự: tin tất cả do tâm tạo, mình niệm Phật sẽ được tiếp dẫn. Tín tha: Tin Phật Thích Ca không nói dối, Phật A Di Đà không nguyện suông. Tín nhân: tin niệm Phật là nhân vãng sanh, giải thoát. Tín quả: tin sự vãng sanh, thành Phật là kết quả. Tín sự: tin cảnh giới Tây Phương tất cả sự tướng đều có thật. Tín lý: Tin lý tánh duy tâm bao trùm Phật độ. Mỗi điều trên đây đều xác thật nên gọi là không hư dối. Hạnh là chuyên trì danh hiệu không xen tạp, không tán loạn. Nguyện là mỗi tâm ưa thích, mỗi niệm mong cầu. Trong ba điều kiện này, người tu tịnh nghiệp cần phải đủ, không thể thiếu một, mà "nguyện" là điểm cần yếu. Có thể có tín, hạnh mà không có nguyện, chưa từng có nguyện mà không có tín, hạnh.

* Niệm Phật mà không phát lòng Bồ Đề thì không tương ưng với bổn nguyện của đức Di Đà, tất khó vãng sanh (Lòng Bồ Đề là tâm lợi mình, lợi người, trên cầu thành quả Phật, dưới nguyện độ chúng sanh) Tuy phát lòng Bồ Đề mà không chuyên niệm Phật cũng không được vãng sanh. Nên phải lấy sự phát lòng Bồ Đề làm chánh nhân, niệm Phật làm trợ duyên, rồi sau mới cầu sanh Tịnh Độ. Người tu tịnh nghiệp cần phải hiểu biết điều này.

* Niệm Phật cũng có ma sự, do bởi ba nguyên nhân: không rõ giáo lý, không gặp thầy bạn tốt, không tự xét lấy mình. Trong ba điều này, sự tự xét chỗ sai lầm của mình rất là cần yếu. Đại để muốn sanh về Tây Phương, không phải dùng chút phước lành, chút công hạnh lơ là mà được; muốn thoát sự khổ sống chết luân hồi trong vạn kiếp, không phải dùng tâm dần dà, chờ hẹn, mà biếng trễ mà được! Cơn vô thường mau chóng, mới sớm kế lại chiều, đâu nên không siêng năng lo dự bị trước ư! Còn e sức chí nguyện không thắng nổi sức tình ái, tâm niệm Phật không hơn nổi tâm dục trần, những kẻ cứ mãi lơi là biếng trễ, nửa tin nửa nghờ thì ta cũng đành không biết làm sao vậy!

Kệ rằng:

Nam Mô A Di Đà,

Người nào không biết niệm?

Tuy niệm, chẳng tương ưng,

Mẹ con khó hội kiến!

Khi đi, đứng, ngồi, nằm,

Đem tâm này thúc liễm,

Mỗi niệm nối tiếp nhau

Niệm lâu thành một phiến.

Như thế, niệm Di Đà,

Di Đà tự nhiên hiện!

Quyết định sanh Tây Phương.

Trọn đời không thối chuyển!

---o0o---

Triệt Ngộ Đại Sư

(Đại Sư là vị Tổ thứ 12 trong Liên Tông, họ Mã, húy Tế Tỉnh, người đất Phong Nhuận, 22 tuổi xuất gia, thông suốt cả thiền, giáo. Ban sơ, ngài chủ trì chùa Vạn Thọ ở Bắc Kinh, danh đồn khắp Nam, Bắc, hằng đề xướng pháp môn Tịnh Độ khuyên chúng tinh tu. Kế đó Đại Sư lại trụ trì chùa Giác Sanh, tiếng tăm cũng lừng lẫy như trước. Sau, ngài về ở non Hồng Loa, đại chúng quy hướng càng đông, bèn thành ra đạo tràng Tịnh Độ. Đời nhà Thanh, niên hiệu Gia Khánh thứ 15, vào mùa Xuân, Đại Sư nói trước ngày về Tây và bảo: "Thân huyễn không bền, đừng để một đời luống qua, mọi người nên cố gắng niệm Phật". Quả nhiên, tới ngày kỳ hẹn, Đại Sư thấy Phật đến tiếp dẫn, liền chánh niệm mà tọa hóa. Lúc ấy đại chúng nghe mùi hương thơm lạ ngào ngạt, khi trà tỳ được xá lợi hơn trăm hột).

* Đại Sư nói: - Thật vì sanh tử, phát lòng Bồ Đề, dùng tín nguyện sâu, trì danh hiệu Phật", mười sáu chữ này là cương tông của môn Niệm Phật. Nếu không phát lòng chơn thiết vì việc sanh tử, thì tất cả lời khai thị đều là phù phiếm. Bởi tất cả sự khổ trong đời này không chi hơn việc sanh tử, chúng ta từ vô lượng kiếp đến nay, sống chết, chết sống, ra khỏi bào thai này kế vào bào thai kia, bỏ lớp da này lại mang lớp da khác, khổ não đã không kham,

huống chi tự mình chưa thoát luân hồi, làm sao tránh khỏi đọa lạc? Ôi! Khi một niệm sai lầm, liền sa vào ác đạo, tam đồ dễ tới mà khó lui, địa ngục ngày dài mà khổ nặng! Cho nên đại chúng vẫn đau đớn nghĩ vấn đề sanh tử, như chịu tang cha mẹ, như cứu lửa đốt đầu, gắng chuyên tinh tu tập. Nhưng ta đã khổ vì sự sống chết mà cầu thoát ly, nên liên tưởng đến tất cả muôn loài cũng như vậy. Chúng sanh cùng ta đồng một bản thể, là cha mẹ của ta trong nhiều kiếp, là chư Phật đời vị lai, nếu chẳng phát tâm cứu độ, chỉ cầu giải thoát riêng mình, thì đối với tình có chỗ chưa an, với lý có điều sơ sót. Huống chi chẳng phát đại tâm thì ngoài không thể cảm thông với Phật, trong không thể khế hợp với tánh chơn, trên không thể tròn quả Bồ Đề, dưới không thể độ khắp muôn loài. Như thế, làm sao báo bổ người ân nhiều kiếp, làm sao giải thích oan gia nhiều đời, làm sao thành tựu căn lành đã gieo trồng tư xưa, làm sao sám trừ tội nghiệp đã tạo ra về trước? Và như thế thì tu hành chỗ nào cũng gặp chướng duyên, dù có thành tựu cũng là quả thấp, cho nên phải xưng tánh phát lòng Bồ Đề vậy.

Những đã phát đại tâm, phải tu đạt hạnh, mà trong tất cả hành môn, tìm phương pháp dễ dụng công, mau thành tựu, rất yên ổn, rất viên đốn, thì không chi hơn dùng tín nguyện sâu, trì danh hiệu Phật. Nói chấp trì danh hiệu, tức là giữ chắc hiệu Phật nơi lòng không tạm quên. Nếu có một niệm gián đoạn hoặc một niệm xen tạp, thì không gọi là chấp trì. Giữ được một niệm nối nhau không xen không tạp, đó là chơn tinh tấn, tinh tấn mãi không thôi, sẽ lần vào cảnh nhất tâm bất loạn và viên thành tịnh nghiệp. Nhất tâm bất loạn là chỗ quy túc của tịnh nghiệp, là đại môn của Tịnh Độ, chưa vào môn này, tất chưa yên ổn, học giả há chẳng nên cố gắng ư?

* Tâm đã hay tạo nghiệp thì cũng có thể chuyển nghiệp, và nghiệp đã do tâm tạo, tất cũng tùy theo tâm mà chuyển. Nếu tâm mình không chuyển được nghiệp, tức bị nghiệp trói buộc, nghiệp không chuyển theo tâm thì có thể buộc tâm. Nhưng dùng tâm thế nào mới chuyển được nghiệp? Ấy là giữ tâm hợp với đạo đức, hợp với Phật. Và nghiệp làm sao buộc được tâm? Ấy là để tâm y theo đường lối cũ, buông lung theo cảnh trần.

* Tất cả cảnh giới hiện nay, tất cả quả báo về sau, đều do nghiệp cảm, do tâm hiện. Vì do nghiệp cảm nên quả báo sẽ đến đều nhất định, bởi nghiệp buộc tâm. Vì do tâm hiện, nên quả báo sẽ đến đều không nhất định bởi tâm chuyển được nghiệp. Như có người đương lúc nghiệp buộc được tâm, quả báo sẽ đến theo chiều nhất định, mà bỗng phát tâm rộng, tu hạnh chân thật, thì tâm chuyển được nghiệp, cảnh sẽ đến tuy định mà thành bất định. Nếu

người ấy nửa chừng bỗng thối lui đại tâm, thật hạnh kém sút, thì nghiệp trở lại buộc tâm, cảnh sẽ đến bất định mà định.

Nhưng nghiệp tạo ra từ trước, đành đã lỡ rồi, chỉ trông mong có phát đại tâm để biến chuyển, mà nắm giữ cơ quan ấy chính là ta chớ không ai khác. Nếu hôm nay ta phát tâm niệm Phật cầu sanh Cực Lạc để mau chứng quả, độ chúng sanh, giữ niệm hiệu Phật nối nhau không dứt, lâu ngày tâm sẽ hiệp với đạo, thì chuyển được quả bảo Ta Bà thành Cực Lạc, đổi nhục thai thành liên thai, không bao lâu, chính mình sẽ là một bậc thượng thiện, tướng tốt trang nghiêm, an vui tự tại nơi cõi liên hoa thất bảo. Như ta tu hành nửa chừng bỗng lần lần biếng trễ thối lui, tất bị nghiệp lực mạnh mẽ từ kiếp trước sai sử, rồi vẫn y nhiên là một kẻ chịu chịu vô lượng sự thống khổ về thân tâm, ngạ qủy súc sanh vậy. Những ai có chí thoát ly, cầu về Tịnh Độ há không nên sợ hãi tỉnh ngộ, phát tâm phấn chấn tu hành ư?

* Có tám điều cốt yếu, người tu tịnh nghiệp nên ghi nhớ:

Vì sự sanh tử, phát lòng Bồ Đề, đây là đường lối chung của người học đạo.

Dùng tín nguyện sâu, trì danh hiệu Phật, đây là chánh tông của môn Tịnh Độ.

Lấy sự nhiếp tâm chuyên chú mà niệm, làm phương tiện dụng công.

Lấy sự chiết phục phiền não hiện hạnh làm việc yếu tu tâm.

Lấy sự giữ chắc bốn trọng giới làm căn bản vào đạo.

Dùng các thứ khổ hạnh làm trợ duyên tu hành.

Lấy nhất tâm bất loạn làm chỗ qui tức của môn Tịnh Độ.

Lấy các điềm lành làm chứng nghiệm cho sự vãng sanh.

---o0o---

Ngộ Khai Đại Sư

(Đại sư họ Trương, tự Hoát Nhiên, người ở Tô Châu, xuất gia tu hành nơi chùa Tường Phong. Sau khi ngộ được tam tông, ngài mở pháp hóa nơi chùa Hiển Thân, thuộc miền Kinh Nam. Kế đó, đại sư lui về ở ẩn, trải qua các tự viện: Vân Gian, Luyện Xuyên, rồi sau lại về am Bảo Tạng chuyên tu tịnh

nghiệp. Ngài có trứ tác mấy bộ: Niệm Phật Bách Vấn, Tịnh Nghiệp Tri Tấn, Niệm Phật Cảnh Sách, Tịnh Nghiệp Sơ Học Tu Tri và Cố Đạo Tình. Năm Đạo Quang thứ 10 đời nhà Thanh, ngài cảm bịnh, khuyên nhắc và cho hay qua cuối Thu mình sẽ về Tây. Quả nhiên, trước tiết Lập Đông hai ngày, Đại Sư hướng về Tây niệm Phật mà hóa).

Đại Sư nói: - Mở mắt niệm Phật, tâm dễ tán động, nên nhắm mắt mà niệm. Trước khi niệm phải ngồi yên giây phút, buông bỏ tất cả, để lòng rỗng không, rồi từ từ tuyên hiệu Phật, vừa niệm vừa nghe, vừa nghe vừa niệm, mật niệm nối nhau, hành trì lâu tâm phát ra, mỗi câu tha thiết nhớ mong Tịnh Độ. Có phương pháp hệ niệm là khi không niệm Phật, đem tâm niệm mình buộc để trên thân đức A Di Đà Phật. Làm như thế, tâm được thanh tịnh, không lay động, chính là chỗ dụng công đắc lực.

Hỏi: Tạp niệm từ đâu sanh? Đáp: Tâm ta chỉ có một niệm, niệm Phật tức là nó mà tạp niệm cũng là nó. Chỉ nhân ta niệm Phật chưa tinh chuyên, nên niệm trần còn vơ vẩn thế thôi.

Hỏi: Làm sao trừ được tạp niệm kia?

Đáp: Không cần phải trừ, chỉ đem tâm niệm hoàn toàn để trên hiệu Phật, tạp niệm liền mất.

Hỏi: Nhưng rủi tinh lực yếu kém, suy mỏi, không thể khiến cho nó tiêu mất, mới làm sao?

Đáp: Người đạo đức chưa thuần, nên tán loạn nhiều, phải cố thâu nhiếp sáu căn lần lần sẽ được thanh tịnh. Nếu chưa làm được như thế thì mở mắt nhìn chăm chú tượng Phật mà niệm, tạp niệm sẽ tiêu.

Hỏi: Cách ấy cũng hay, nhưng sợ e lần hồi mỏi mệt, tạp niệm lại nổi lên làm sao?

Đáp: Trong tâm mờ tối, nên bị ngoại cảnh kéo lôi, niệm Phật không đắc lực, thậm chí vọng niệm dày đặc không tan. Nhưng đừng vội vàng nóng nảy, phải lóng định tâm tư, niệm chậm rãi, hiệu Phật ra từ nơi tâm, phát thành tiếng nơi miệng, rồi lại vào nơi tai; tâm nghĩ, miệng niệm, tai nghe, cứ tuần hoàn như thế, tạp niệm sẽ dứt.

Hỏi: Phương pháp này rất hay, chỉ e người căn tánh quá tối, không làm được lại phải thế nào?

Đáp: Nên đem sáu chữ Nam Mô A Di Đà Phật mà niệm. Khi niệm nghi nhớ rành rẽ tiếng thứ nhất là Nam, tiếng thứ nhì là Mô, như thế cứ đủ sáu chữ, liên hoàn không dứt, thì vọng niệm không còn chỗ xuất sanh.

---o0o---

Diệu Không Đại Sư

(Đại sư họ Trịnh, người ở Giang Đô, lúc thiếu thời ngài học Nho, thường đồng với Quán Như Pháp Sư, Dương Như Sơn, Hứa Vân Hư… thương nghị khắc Đại Tạng Kinh. Kế đó Ngài xuất gia, tự hiệu là Khắc Kinh Tăng. Trong 15 năm, Đại Sư đã khắc hơn ba ngàn quyển. Sau khi ngài tịch ba năm, bộ kinh Đại Bát Nhã mới hoàn thành. Đại sư giữ giới tinh nghiêm, quá giờ ngọ không ăn, thuở sanh bình trứ thuật rất nhiều, sau hợp lại thành pho: Lâu Các Tòng Thơ. Trong ấy phần nhiều là những sách xiển dương tông Tịnh Độ. Ngài cảm hóa rất đông, đa số là kẻ trọng vọng như ông Tưởng Nguyện Lượng v.v... Nhà Thanh năm Quang Chữ thứ 6, Đại Sư niệm Phật mà tịch, hưởng 55 tuổi).

Đại Sư nói: - Phép quán không dễ thành tựu, giới luật cũng chưa dễ giữ tròn, tu phước chẳng phải hôm sớm có thể thành công, sự diệu ngộ chẳng phải kẻ độn căn có thể làm được. Còn đại nguyện bền chắc lại càng ít có người! Nếu không do nơi chỗ chân thật trì danh tìm nẻo thoát ly, tất phải chìm trong biển khổ, hằng chịu luân hồi, ngàn Phật dù từ bi cũng khó cứu độ! Huống chi, phép trì danh nhiếp cả ba căn, không có phương tiện nào hay hơn đây nữa!

Người niệm Phật thì không được nói chuyện tạp hoặc nghĩ ngợi bông lông. Nếu lỡ có phạm, phải suy xét: ta là người niệm Phật, không nên như thế, rồi niệm Phật vài tiếng để tự cảnh tỉnh mà đánh tan điều ấy.

Phép "tùy thuận trì danh" là khi hôn trầm thì đi kinh hành, lúc tán loạn thì trở lại ngồi, hoặc đứng, hoặc nằm, đều tùy tiện mà trì niệm, làm sao cho câu niệm Phật đừng xa lìa. Đây là yếu thuật để hàng phục tâm ma.

Khi gặp cảnh thuận, nghịch, khổ, vui, thị, phi, đắc, thất, dơ, sạch, tất cả trường hợp, cần phải giữ một câu niệm Phật cho chắc. Nếu không như thế, tất bị cảnh duyên, hiệu Phật liền gián đoạn, há chẳng phải đáng tiếc lắm ư?

* Khi đối trước tượng Phật, phải xem tượng ấy cũng như Phật thiệt, mắt nhìn tâm niệm, cung kính chí thành. Lúc không ở trước tượng cũng nên thành

kính như lúc đối trước Phật tượng. Niệm Phật như thế rất dễ cảm thông, nghiệp ác cũng mau tiêu diệt.

Tất cả người khổ trong đời, vì thân tâm không được rỗi rảnh, nên khó tu hành. Nay ta có phần an nhàn, lại được nghe pháp môn Niệm Phật, vậy phải cố gắng nhiếp tâm, mới không uổng ngàn vàng tấc bóng! Nếu tu hành lôi thôi tất khó có kết quả, như thế là phụ rẫy bốn ân, luống qua ngày tháng, một mai vô thường chợt đến, lấy gì mà chống đối ư?

Người tu nếu vị quả khổ, tất đời trước hoặc đời nay đã gây nhân xấu. Cho nên chịu một phần khổ tức là trả một phần ác của mình. Vậy không nên oán trách trời người sao bất công, buồn thời vận sao điên đảo, mà chỉ hổ thẹn mình không sớm tỉnh ngộ tu hành thôi. Mỗi khi nghĩ đến điều ấy, vừa kinh sợ cho ác báo, vừa thương cảm cho phận mình, mỗi câu niệm Phật đều từ nơi gan tủy phát ra, như thế mới là chơn cảnh niệm Phật.

Trước cảnh ngang trái khổ đau mà không bi thương thì chẳng phải nhân tình, song nếu chỉ luống bi thương, há lại là người rõ thông Phật tánh? Cho nên đã bi thương thì phải tìm phương thoát khổ, nghĩ chước cứu độ mình và tất cả chúng sanh, như thế mới không đến nỗi vô ích. Nên biết sở dĩ Phật được gọi là đấng đại bi vì Ngài có đủ hùng lực, trí huệ, cứu chúng sanh đau khổ. Ta dùng bi tâm mà niệm Phật, cầu lòng bi của Phật cứu khổ cho ta, sự trì niệm như thế khẩn thiết biết dường bao!

Khi niệm Phật đã thuần thục, thì trong sáu trần chỉ có thinh trần, năng dụng của sáu căn đều gởi nơi nhĩ căn, không còn biết thân mình đang vi nhiễu, lưỡi mình đang uốn động, ý có phân biệt hay không, mũi thở ra hay vào, mắt mình nhắm hay mở. Khi ấy sự viên thông của đức Quán Âm, Thế Chí chính là một, căn tức là trần, trần tức là căn, căn trần tức là thức, mười tám giới dung hợp thành một giới. Khi làm xong một việc, vừa nói xong một lời, chưa khởi tâm niệm Phật, mà một câu hồng danh cuồn cuộn tuôn ra, đó là triệu chứng tam muội dễ thành tựu vậy.

Tu tịnh nghiệp, cảnh cô tịch chừng nào hay chừng nấy, tiếng niệm cao thấp mau chậm tùy nghi, làm sao cho hợp thành một phiến. Nên biết khi ấy thân tuy đơn chiếc mà tâm chẳng lẻ loi, vì tâm của chư Phật cùng đức Di Đà chưa từng tạm rời ta, ta khởi niệm thì Phật biết, mở miệng thì Phật nghe, lo gì sự cô tịch?

Bịnh là cái bước đến sự chết, chết là cửa ải đưa đến cảnh tịnh uế thánh phàm. Trong khi bịnh, phải tưởng là mình sắp chết, chuyên niệm hiệu Phật,

quyết đợi lúc mạng chung, như thế sẽ có quang minh tiếp dẫn mà toại bổn nguyện vãng sanh của mình. Nếu trong lúc ấy tạm đình câu niệm Phật, thì tâm luyến ái, buồn rầu, sợ hãi, tất cả tạp niệm đều hiện ra, như thế làm sao vượt qua nẻo sanh tử? Thế nên lúc bịnh nguy phải ghi nhớ bốn chữ A Di Đà Phật nơi tâm chớ quên, và những kẻ xung quanh cũng phải niệm bốn chữ ấy để thường thường nhắc nhở người bịnh. Nên biết trăm kiếp ngàn đời, siêu hay đọa, toàn do ở một niệm trong khi ấy. Tại sao thế? Vì sáu nẻo luân hồi đều do một niệm làm chủ. Nếu một niệm chuyên chú nơi Phật, thì hình tuy hoại mà thần không hoại, liền nương theo đó mà vãng sanh. Hỡi người tu tịnh nghiệp! Nên nhớ bốn chữ A Di Đà Phật nơi lòng đừng quên!

---o0o---

Ấn Quang Đại Sư

(Đại Sư là vị tổ thứ mười ba trong Liên Tông, họ Triệu, người ở Cấp Dương, suốt thông tông giáo, chuyên tu tịnh nghiệp, từng trải ở các non Chung Nam, Hồng Loa, Phổ Đà. Năm Dân Quốc thứ 19, ngài đến đất Ngô, sáng lập Linh Nham Tịnh Tông Đạo Tràng, khuyên người lấy luân thường nhân quả làm cơ sở, niệm Phật sanh Tây làm chỗ quy túc. Đại Sư ấn tặng sách Phật năm trăm muôn bộ, tượng Phật hơn trăm muôn bức. Mùa đông năm Dân Quốc thứ 29, ngài niệm Phật tọa hóa ở Linh Nham đạo tràng. Khi trà tỳ, 32 cái răng còn nguyên, được xá lợi ngũ sắc vài ngàn hột. Đại Sư hưởng tuổi đời 80, tăng lạp 60, trứ thuật trăm muôn lời, đệ tử hơn hai mươi muôn, phần nhiều là bậc hiền triết và người có danh vọng trong Quốc Dân Đảng).

Đại Sư nói: -Pháp môn Tịnh Độ do Phật Thích Ca, Di Đà kiến lập, Bồ Tát Văn Thù, Phổ Hiền chỉ quy, đức Mã Minh, Long Thọ hoằng dương, và các Tổ: Huệ Viễn, Thiên Thai, Thanh Lương, Vĩnh Minh, Liên Trì, Ngẫu Ích xướng đạo để khuyên khắp thánh, phàm, ngu, trí, đồng tu hành vậy.

Đã tu tịnh nghiệp, phải giữ luân thường, làm hết bổn phận, dứt niệm tà, gìn lòng thành kính, trừ bỏ các điều ác, vâng làm những việc lành, đừng giết hại, gắng ăn chay, thương tiếc hộ trì mạng sống loài vật, tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương. Bên trong phải vì ông bà, cha mẹ, anh em, chị em, bên ngoài vì thân thích, bạn bè, xóm giềng, làng nước, đem pháp môn Tịnh Độ này mà phụng khuyến, chẳng luận người có tin làm cùng không, chỉ hết sức mình khiến cho mọi người đều biết pháp mầu nhiệm này mà thôi.

Người niệm Phật nếu tấm lòng chân thiết, tự có thể nhờ từ lực của Phật, khiến cho khỏi tai nạn đao binh nước lửa. Dù có bị túc nghiệp sâu dày, hoặc

trường hợp chuyển quả nặng địa ngục thành ra quả báo nhẹ đời nay mà ngẫu nhiên bị tai nạn ấy, nếu lúc bình nhật có lòng tín nguyện chân thiết, quyết định lúc bấy giờ sẽ được nhờ Phật tiếp dẫn.

Đã tin sâu, nguyện thiết, phải tu chánh hạnh niệm Phật. Sự tu trì đây đều tùy theo thân phận của mình mà lập, không nên chấp định theo một pháp thức nào. Như người không việc chi hệ lụy, nên từ mai đến chiều, chiều lại mai, lúc đi, đứng, nằm, ngồi, nói, nín, động, tịnh, khi ăn cơm mặc áo cùng đại tiểu tiện, tất cả thời, tất cả chỗ đều giữ một câu hồng danh không rời nơi tâm miệng. Nếu khi thân mình sạch sẽ, y phục chỉnh tề, chỗ nơi thanh khiết, thì niệm thầm hay ra tiếng đều được. Như lúc ngủ nghỉ, lõa lồ, tắm gội, đại tiểu tiện, hoặc ở chỗ không sạch chỉ được niệm thầm, không nên ra tiếng, niệm thầm công đức vẫn đồng, nếu ra tiếng thì có lỗi không cung kính. Chớ cho rằng những lúc ấy không nên niệm, chỉ e niệm không được mà thôi. Lại khi nằm nếu niệm ra tiếng, chẳng những không cung kính, mà còn bị tổn hơi, phải biết điều này.

Muốn cho tâm không luyến việc ngoài, chuyên niệm Phật được quy nhất, cũng không có phương pháp chi kỳ lạ, chỉ đừng quên cái chết rình rập bên mình, không biết xảy ra lúc nào.

Phải nghĩ rằng: ta từ trước đến nay tạo ra vô lượng vô biên nghiệp ác, như trong kinh nói: "Giả sử nghiệp ác kia có hình tướng thì khắp mười phương hư không cũng chẳng dung chứa hết", duyên đâu may mắn, nay được thân người lại nghe Phật pháp, nếu không một lòng chuyên niệm Phật cầu sanh Tây Phương, khi cái chết đến thình lình, chắc chắn phải bị đọa vào ác đạo. Chừng ấy nếu vào địa ngục thì bị non đao, rừng kiếm, lò lửa, vạc dầu, một ngày đêm sống chết đến vạn lần, sự khổ cùng cực không thể diễn tả. Nếu đọa vào ngạ quỷ thì thân hình xấu xa, hôi hám, bụng lớn như cái trống, cổ họng nhỏ như cây kim, thấy cơm nước thì những vật ấy đều hóa thành than lửa, chịu đói khát, lăn lộn khóc la trong vô lượng kiếp. Nếu đọa vào súc sanh thì hoặc bị chở kéo nặng nề, hoặc bị người giết ăn thịt, hoặc bị nạn loài mạnh ăn nuốt loài yếu, kinh khủng chẳng lúc nào yên. Chịu khổ như thế có khi vô lượng chư Phật ra đời mà vẫn còn xoay vần trong ác đạo, không được thoát ly. Nghĩ đến thân người mong manh, cái chết bất kỳ, nghĩ mình đời trước này đã tạo ra vô lượng nghiệp ác, nghĩ đến sự khổ tam đồ mà tỉnh ngộ sợ hãi, tất không còn tham luyến cảnh huyễn bên ngoài, niệm Phật được chuyên nhất.

Khi niệm Phật, cần phải chí thành, hoặc có lúc trong tâm khởi ra bi cảm, đó là tướng căn lành phát hiện. Nhưng phải đề phòng đừng nên thường thường như thế, chẳng vậy thì bị loài ma bi thương nhập vào. Phàm gặp việc chi vừa ý cũng đừng quá vui mừng, vui mừng quá tất bị loài ma hoan hỉ ám nhập.

Khi niệm Phật, mi mắt nên sụp xuống, đừng nên quá dùng tinh thần, nếu dùng tinh thần quá, hỏa khí sẽ bốc lên, làm cho nhức đầu choáng váng, hoặc mang các chứng bịnh: lên máu, đầu tê rần ngứa nhức, máu bầm tụ trên đỉnh đầu. Vậy phải điều đình cho vừa chừng. Nếu thấy đầu óc nặng nề nóng bừng, phải trấn định tinh thần, lắng tai nghe mà niệm, hoặc chú tưởng nơi lòng bàn chân thì hỏa khí sẽ hạ xuống.

Bịnh cùng ma phá, đều do túc nghiệp gây ra. Ngươi nên chí thành khẩn thiết niệm Phật, thì bịnh tự an lành, ma tự xa lánh. Nếu lòng không thành khẩn mà còn khởi ra niệm tà dâm bất chánh, thì tâm ngươi toàn thể đã sa vào nơi tối tăm, làm sao khỏi chiêu cảm loài ma đến khuấy rối. Từ nay sau mỗi thời khóa, người nên hồi hướng cầu nguyện cho oan gia đời trước, khiến bọn kia nhờ công đức niệm Phật của người mà được thoát khổ, sanh về cõi lành.

Người niệm Phật nếu dụng công siêng năng tinh tấn, thì niệm sẽ thuần thục quy nhất, được cảm thông với Phật, tự có thể thấy cảnh lành, dù không thấy cũng không ngại. Nếu bỏ sự chuyên dụng công mà vội gấp muốn được nhất tâm, được tương ưng, được thấy cảnh lành, thì vọng tưởng rối ren, tâm niệm cầu mong cố kết nơi lòng, đây là chứng bịnh lớn lao nguy hiểm của người tu hành. Nhế thế lâu ngày, những oan gia đời trước nương theo vọng tưởng của hành nhơn, hóa làm thân Phật, hoa sen, hoặc có cảnh tốt lạ, để mong báo oán. Lúc ấy tự mình đã không có chánh kiến, toàn thể là khí phần của ma, một khi thấy cảnh ấy tất sanh lòng hoan hỷ, ma nương theo đấy mà vào tâm phủ làm cho hành nhân điên cuồng, dù có Phật sống cũng không cứu được.

Người niệm Phật không phải chỉ tu theo sự tướng bên ngoài, mà cần phải để ý trừ phiền não cùng tập nghiệp lầm lỗi xấu xa. Nếu phiền não bớt một phần thì công phu niệm Phật tăng một phần, trái lại, để phiền não tăng, tất công hạnh phải lui kém. Cho nên có người càng tu hành lại càng đổ nghiệp là bởi lý do trên đây như thế lâu ngày nghiệp sẽ tiêu. Từ rày về sau, nơi tâm niệm hành vi, ngươi phải giữ cho hiền hòa thuần hậu, mới được phước lành. Nếu chẳng thế, lại gia thêm tánh gian, xảo, khắc, hiểm, thì cũng như chót núi đá trơ vơ, mưa bao nhiêu cũng không đọng lại chút nào, dù loại cây cỏ chi cũng không sanh trưởng nổi.

Giữ một câu A Di Đà Phật nhặt niệm nối nhau, thường nhớ, thường niệm. Khi những tâm tham lam, bỏn sẻn, hờn giận, dâm dục, háo thắng, kiêu mạn, thoạt nổi lên, phải nghĩ: "Ta là người niệm Phật, cầu giải thoát không nên có tâm niệm như vậy", nghĩ rồi liền trừ diệt đi. Như thế, lâu lâu những niệm lao thần tổn thân đều không có đâu mà khởi, sẽ được công đức không nghĩ bàn của Phật gia trì nơi thân tâm mình, dám đảm bảo trong mười ngày thấy đại hiệu. Nếu tu hành lôi thôi gián đoạn liền muốn được hiệu nghiệm, đó là khi mình, khi người, tuy cũng có công đức, nhưng muốn do đó mà lành bịnh, thì quyết không thể được.

Làm việc chi cũng phải lấy lòng thành làm gốc, tu hành nếu không dùng tâm chí thành, làm sao được sự lợi ích lành bịnh dứt khổ?

Nếu tu tịnh nghiệp, nếu có mảy may công đức lành, đều đem hồi hướng vãng sanh. Như thế thì tất cả hành môn đều là trợ hạnh của Tịnh Độ. Lại phải phát lòng Bồ Đề, thề độ muôn loài, đem công đức mình tu hồi hướng cho bốn ân ba cõi cùng chúng sanh trong pháp giới. Làm như thế, như đèn thêm dầu, như mạ được mưa, đã kết pháp duyên sâu cùng tất cả chúng sanh, lại mau thành tựu thắng hạnh đại thừa của mình. Nếu chẳng hiểu nghĩa này, tất thành ra chỗ thấy cạn hẹp tư lợi của hàng phàm phu và nhị thừa, tu hạnh màu, cảm quả rất thấp kém.

Có một bí quyết, khẩn thiết bảo nhau: "Hết lòng thành kính," nhiệm mầu nhiệu mầu!

Phụ: Khi làm việc lành chi, dù nhỏ nhặt, cũng nên chắp tay đối trước Phật, hoặc hướng về Tây, đọc bài kệ hồi hướng vắn tắt này.

Nguyện đem công đức này

Cầu bốn ân, ba cõi,

Con cùng với chúng sanh

Đồng sanh về Cực Lạc.

Hoằng Nhất Đại Sư

(Đại sư họ Lý, húy Diễn Âm, tự Thúc Đồng, từng sang Nhật học về chuyên khoa mỹ thuật và làm giáo sư nhiều học hiệu trong nước Trung Hoa. Năm dân quốc thứ 7, ngài xuất gia nơi chùa Đại Từ tại Hàng Châu, sau thọ đại

giới ở chùa Linh Ẩn. Đại Sư cảm thấy Luật học suy vi, mới phát tâm chấn chỉnh. Nhân đó, ngài vân du qua vùng Mân, Triết, chuyên về giảng thuật, có trứ tác bộ "Nam Sơn Luật Uyển Tòng Thơ" lưu hành ở đời. Ngài chuyên tu tịnh nghiệp, rất mến phục Ấn công ở Linh Nham, hằng lấy việc "sống hoằng truyền giới luật, chết vãng sanh Tây Phương" làm chí nguyện. Mùa Thu năm Dân quốc thứ 31, Đại Sư ở Ôn Lăng, dự biết lâm chung, niệm Phật mà tịch, hưởng 64 tuổi đời, 24 tăng lạp. Sau khi thiêu hóa, được xá lợi hơn 1.800 hột).

* Đại sư dạy: - Cổ thi nói: "Ta thấy người khác chết. Trong lòng nóng xót xa. Chẳng phải xót kẻ mất. Vì sẽ đến phiên ta". Vậy việc lớn rốt sau của đời người, đâu tạm quên trong giây phút ư!

* Khi bịnh nặng, phải buông bỏ tất cả việc nhà cho đến thân tâm của mình, chuyên nhất niệm Phật, một lòng mong cầu vãng sanh Tây phương. Làm như thế, nếu thọ mạng đã hết, quyết định được vãng sanh. Như thọ mạng chưa dứt, tuy cầu vãng sanh mà trở lại mau lành bịnh, do vì lòng mình chuyên thành, nên có thể diệt trừ nghiệp ác đời trước. Trái lại, nếu chẳng buông bỏ muôn duyên, chuyên nhất niệm Phật, như thọ mạng đã hết, quyết định không thể không vãng sanh, vì mình chỉ chuyên cầu lành bịnh chớ không cầu vãng sanh, nên không do đâu được về Cực Lạc. Nếu như thọ mạng đã dứt, chẳng những không được mau thuyên giảm, mà bịnh lại tăng thêm, vì mình nhân cầu lành bịnh vọng sanh lòng lo lắng sợ hãi vậy

* Khi bịnh chưa nặng, cũng nên uống thuốc, nhưng vẫn phải tinh tấn niệm Phật, chớ tưởng nghĩ rằng: uống thuốc rồi bịnh sẽ lành. Lúc bịnh đã nặng, có thể không cần dùng thuốc. Khi ta bịnh nằm ở thạch thất, có kẻ khuyên nên rước thầy hốt thuốc, liền từ tạ mà nói kệ rằng:

"A Di Đà Phật. Vô thượng y vương. Bỏ đây không cầu. Ấy là si cuồng! Một câu niệm Phật. Là thuốc Dà Đà. Bỏ đây không uống. Lầm to lắm mà!".

Nhân vì bình nhật ta đã tin pháp môn Niệm Phật, thường giảng nói cặn kẽ cho mọi người nghe. Nay chính mình bị bịnh lại bỏ đây cầu thuốc sao?

* Nếu mình bịnh trở nặng, đau khổ quá lắm, rất không nên kinh hoàng, vì cơn bịnh khổ này do bởi túc nghiệp, hoặc nhân ta tu hành nên chuyển nghiệp báo của ác đạo thành ra quả nhẹ bịnh khổ, để trả xong tất rồi mới sanh về Tây phương.

* Khi bịnh nặng, những y phục vật dụng của mình, nên đem thí cho kẻ khác, hoặc y theo phẩm "Như Lai Tán Thán" trong kinh Địa Tạng, đem vật liệu ấy cúng dường kinh tượng lại càng hay.

* Lúc bịnh nhân đau nhiều, như thần thức còn thanh tĩnh, người nhà nên thỉnh bậc thiện tri thức đến thuyết pháp. Vị thiện tri thức phải hết sức an ủi, đem việc lành, công tu của bịnh nhân kể rõ ra và khen ngợi, khiến cho người bịnh sanh lòng vui mừng không còn nghi ngại, tự biết khi mình chết sẽ nương nơi nghiệp lành ấy sanh về Tây Phương.

* Khi bịnh nhân sắp chết, người thân cận không được hỏi han về di chúc, cũng được nói chuyện tạp vô ích, khiến cho người bịnh động tâm niệm tình ái, quyến luyến thế gian, có ngại cho sự vãng sanh. Nếu muốn để di chúc, thì trong lúc còn mạnh khỏe làm di ngôn trước giao cho người cất giữ.

* Lúc bịnh nhân gần qua đời, tự họ muốn tắm gội thay y phục, thì có thể thuận theo, nhưng nhẹ nhàng cẩn thận mà làm. Như họ không chịu, hoặc á khẩu không nói được thì không nên miễn cưỡng mà làm. Bởi người sắp chết thường thường thân thể đau nhức, nếu ép khuyên dời động, tắm rửa, thay y phục, thì bịnh nhân càng đau đớn thêm nhiều. Ở đời có người tu hành phát nguyện cầu về Cực Lạc, nhưng khi lâm chung vì bị quyến thuộc di động nhiễu loạn, phá hoại chánh niệm, nên không được vãng sanh, việc này xả ra rất nhiều. Lại có kẻ mạng chung có thể được sanh về cõi lành, nhưng bị người khác không biết, xúc chạm làm cho đau đớn, nên sanh lòng giận tức, do đó phải bị đọa vào đường ác. Như vua A Xà Thế, tu nhiều phước lành, khi lâm chung nhân bị người hầu cận ngủ gục làm rớt cây quạt trên mặt nên giận, chết đọa làm rắn mãng xà. Gương này há không nên răn sợ ư!

* Khi lâm chung, hoặc ngồi hoặc nằm, đều tùy tiện chớ nên gắng gượng. Nếu cảm thấy khí lực suy nhược chỉ có thể nằm, mà muốn xem cho ra vẻ, gắng gượng ngồi dậy là điều nguy hại không nên. Hoặc theo lẽ phải nằm nghiêng bên mặt, hướng về Tây, nhưng vì thân thể đau nhức phải nằm ngửa, hay nằm nghiêng bên trái, hướng về Đông, cũng cứ để tự nhiên không nên gắng gượng. Đây là chính bịnh nhân phải hiểu như thế mà tự xử sự. Còn người thân thuộc cũng phải hiểu lẽ này, chẳng nên cầu danh bắt người bịnh nằm nghiêng bên mặt hướng về Tây, hay đỡ dậy mặc áo tràng, sửa ngồi kiết dà. Đâu biết rằng chỉ vì cầu chút hư danh mà khiến cho người chết phải đọa tam đồ, chịu vô lượng sự khổ.

* Khi đại chúng trợ niệm, nên thỉnh tượng Di Đà tiếp dẫn để trước bịnh nhân, khiến cho họ trông thấy.

* Người trợ niệm, không luận nhiều ít, nếu được nhiều, nên luân phiên mà niệm, khiến cho tiếng Phật không gián đoạn. Muốn niệm bốn chữ hay sáu chữ, hoặc niệm mau niệm chậm, phải hỏi trước bịnh nhân. Lại phải tùy chỗ tập quán ưa thích thuở bình nhật của bịnh nhân mà niệm, khiến cho họ có thể niệm thầm theo. Thường thấy kẻ trợ niệm không vì người sắp chết, chỉ niệm theo ý mình. Như thế đã trái chỗ tập quán ưa thích của bịnh nhân, họ làm sao niệm thầm theo được? Nguyện những người trợ niệm đặc biệt lưu ý đến điều này! Nếu mình phá chánh niệm của kẻ khác tức là có tội, đến phiên mình lâm chung cũng bị quả báo gặp kẻ khác phá hoại mà không được vãng sanh!

* Thông thường, người trợ niệm hay đánh khánh hoặc đánh mõ nhỏ. Theo kinh nghiệm, kẻ mang bịnh, thần kinh suy nhược, rất sợ nghe tiếng khánh và mõ nhỏ, vì âm thanh của những thứ này chát chúa, đinh tai, kích thích thần kinh khiến cho họ tâm thần không an. Theo thiển ý, chỉ nên niệm suông là thỏa đáng hơn hết. Hoặc nếu có, thì chỉ đánh thứ chuông, khánh hay mõ lớn, mấy món này âm thanh hùng tráng, khiến cho người bịnh sanh niệm nghiêm kính, thiệt hơn đánh khánh và mõ nhỏ nhiều. Thứ mõ âm thanh đục cũng không nên đánh, vì làm cho bịnh nhân tâm thần hôn trược. Nhưng sở thích của mỗi người không đồng, tốt hơn là nên hỏi trước bịnh nhân. Nếu có chỗ nào không hợp, phải tùy cơ cải biến, chớ nên cố chấp.

* Người mới tắt hơi, điều thiết yếu là không nên vội di động, hoặc kẻ chết thân mình dính chất dơ cũng không nên gấp lau rửa, phải đợi qua tám tiếng đồng hồ mới được tắm rửa thay y phục. Trước và sau khi chết, người nhà không được khóc lóc, khóc là vô ích mà lại có hại vì làm cho kẻ mạng chung, sanh niệm quyến luyến, không được giải thoát, chỉ nên gắng sức niệm Phật là thật ích cho vong nhân. Nếu muốn khóc lóc phải đợi tám giờ sau. Tại sao thế? Vì bịnh nhân tuy tắt hơi, nhưng thức A Lại Da còn chưa đi. Nếu khi ấy lay động, tắm rửa, thay y phục, hoặc kêu khóc họ vẫn còn cảm giác đau đớn, hoặc sanh buồn giận, thương bi mà phải xa đọa. Điều này rất quan hệ, rất cần yếu, nên để ý ghi nhớ kỹ.

* Cái thuyết thăm dò hơi nóng để nghiệm xem sanh về đâu tuy có chứng cớ, nhưng cũng không nên cố chấp. Nếu bịnh nhân bình thời tín nguyện chân thiết, khi lâm chung chánh niệm rõ ràng, có thể chứng nghiệm là vãng sanh. Nhiều kẻ không kỹ, cứ mải thăm dò, rời chỗ này chỗ kia làm động niệm kẻ

mạng chung, cũng có hại lớn lắm. Sau khi bịnh nhân tắt hơi, trợ niệm xong, phải đóng cửa phòng lại canh chừng cho kỹ, kẻo loài mèo, hoặc kẻ không am hiểu đổ xô vào xúc chạm, đợi qua tám giờ sau sẽ tắm rửa thay y phục. Trong vòng tám giờ, nếu có người ở gần bên niệm Phật luôn là điều rất tốt, ngoài ra cấm tuyệt không nên làm điều chi khác. Xin nhắc lại, trong khoảng thời gian này, người chết vẫn còn cảm giác!

* Sau tám giờ, nếu tay chân người chết đã cứng không thể chuyển động, nên dùng vải thấm nước nóng đắp bao xung quanh các khớp xương, giây lâu có thể co duỗi tay chân như thường.

* Khi làm những Phật sự truy tiến cho vong nhân, nên hồi hướng công đức ấy đến chúng sanh trong pháp giới. Như thế công đức sẽ càng thêm lớn mà sự lợi ích của vong nhân đó cũng được tăng thêm nhiều.

* Buổi lâm chung là lúc rất quan yếu trong một đời người, nếu trước dự bị tư lương vãng sanh cho đầy đủ, đến chừng ấy khó khỏi kinh hoàng bối rối, rồi kêu mẹ, réo cha, nghiệp ác trong nhiều kiếp đồng thời hiện ra, làm sao giải thoát? Cho nên khi lâm chung tuy nhờ người y theo phương pháp mà trợ niệm, nhưng chính mình lúc bình nhật phải cố gắng tu trì, chừng ấy mới được tự tại. Hỡi người tu tịnh nghiệp! Xin sớm dự bị là hơn!

Quê Hương Cực Lạc. Việt dịch: HT Thích Thiền Tâm.

Đánh máy: Tuệ Cường

---o0o---

HẾT